



Dạy học cho HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA NHẬP

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HÒA NHẬP (RCI)

Tài liệu hướng dẫn cho giáo viên các trường tiểu học
có học sinh khuyết tật học hòa nhập

Lưu hành nội bộ

Mục lục

Cuốn tài liệu này gồm có 3 phần với những nội dung dưới đây:

Phần 1	Đặc điểm học sinh khuyết tật	07
	• Học sinh khuyết tật trí tuệ	08
	• Học sinh rối loạn học tập	22
	• Học sinh rối loạn phổ tự kỷ	58
	• Học sinh khuyết tật nhìn	68
	• Học sinh khuyết tật nghe	90
Phần 2	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật	112
	• Khái niệm, Bản chất, So sánh các yếu tố của Giáo dục hòa nhập và các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập	113
	• Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật trong trường hòa nhập	118
	• Quy trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân	124
Phần 3	Phương pháp, kỹ năng dạy học cho học sinh khuyết tật trong lớp tiểu học hòa nhập	135
	• Phương pháp điều chỉnh trong dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật	136

VỀ DỰ ÁN GIÁO DỤC HÒA NHẬP CỦA RCI

Bộ thẻ lật này nhằm cung cấp cho giáo viên tiểu học những phương pháp, kỹ năng thiết thực và hiệu quả khi làm việc với học sinh khuyết tật trí tuệ, rối loạn học tập, học sinh rối loạn phổ tự kỷ, khuyết tật nhìn, khuyết tật nghe - nói... Giáo viên có thể sử dụng tài liệu này để tập huấn lại cho đồng nghiệp cũng như làm tài liệu tham khảo trong dạy học hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt ở bậc tiểu học.

Bộ thẻ lật do RCI biên soạn với sự tham gia và hợp tác của chuyên gia từ các tổ chức khác nhau. RCI xin ghi nhận sự hỗ trợ quý báu của các chuyên gia đã giúp chúng tôi hoàn thành tài liệu này. RCI xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới:

- **GS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến** - Nhà giáo ưu tú và Giảng viên cao cấp Học viện Quản lý Giáo dục
- **TS. Nguyễn Thị Kim Hoa** - Giám đốc Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia (NCSE)
- **ThS. Nguyễn Thanh Thủy** - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hòa nhập (RCI)
- **Bà Angeliqe Kester** - Cố vấn Giáo dục Hòa nhập và Phục hồi Chức năng của tổ chức Liliane Foundation - Hà Lan
- **ThS. Lê Thị Tâm** - Trưởng phòng Thực nghiệm Khoa học Giáo dục Đặc biệt (NCSE)
- **TS. Trần Thị Văng** - Trưởng Phòng Giáo dục Người khuyết tật nhìn - đa tật (NCSE)
- **ThS. Phạm Thị Trang** - Nghiên cứu viên Phòng Giáo dục Người khuyết tật nghe, nói (NCSE).

VỀ DỰ ÁN GIÁO DỤC HÒA NHẬP CỦA RCI

Tài liệu này nằm trong khuôn khổ dự án của RCI được giới thiệu tóm tắt dưới đây:

Với sự hỗ trợ của tổ chức Liliane Foundation - Hà Lan, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hòa nhập (RCI) triển khai dự án 'Đảm bảo môi trường giáo dục thân thiện và chất lượng với học sinh có nhu cầu đặc biệt' cho giai đoạn 5 năm, từ 2017-2023 với mục tiêu nhằm cải thiện tính tiếp cận về chất lượng giáo dục cho học sinh khuyết tật. Dự án được thực hiện tại tỉnh Quảng Trị và Quảng Nam, riêng giai đoạn 2017-2020 có thêm tỉnh Hòa Bình, với sự phối hợp thực hiện của đối tác RCI gồm Trung tâm Phục hồi Chức năng Thiện Nhân (tiền thân là Hội từ thiện Quảng Trị) và tổ chức VNHIP (Vietnam Health Improvement Project).

Dưới đây là một số hợp phần chính của dự án:

- Thành lập và vận hành **16 Phòng hỗ trợ** Giáo dục Hòa nhập tại các trường dự án;
- Xây dựng và thiết kế tài liệu tập huấn giáo viên ở dạng thẻ lật;
- **354 giáo viên** được tập huấn nâng cao năng lực về phương pháp và kỹ năng giảng dạy học sinh khuyết tật, bao gồm các giáo viên dạy ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh điếc;
- **Gần 600 học sinh khuyết tật** được hỗ trợ học hòa nhập (thông qua các giáo viên đã được dự án tập huấn) tập huấn về kỹ năng sống, sức khỏe sinh sản và vào các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao, dã ngoại;
- **15 trường học** cải thiện cơ sở vật chất thân thiện với học sinh khuyết tật (nhà vệ sinh, xe lăn, đường dốc xe lăn, tay vịn...).

VỀ DỰ ÁN GIÁO DỤC HÒA NHẬP CỦA RCI

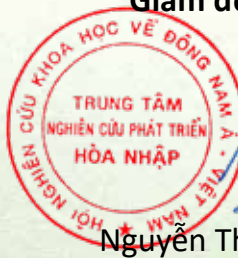
Tài liệu này được hoàn thiện sau nhiều lần chỉnh sửa và lấy ý kiến góp ý từ các giáo viên thực hành giảng dạy và từ các chuyên gia của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Đà Nẵng.

Nếu quý thầy cô và quý độc giả nhận thấy tài liệu vẫn còn những thiếu sót, vui lòng thông báo cho chúng tôi qua địa chỉ email thuy.nguyen@nlrmekong.org (chị Thủy) để chúng tôi bổ sung và hoàn thiện tài liệu nhằm giúp tài liệu hữu ích hơn cho người sử dụng.

Trân trọng cảm ơn!

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hòa nhập

Giám đốc



Nguyễn Thanh Thủy

VỀ TỔ CHỨC RCI CỦA CHÚNG TÔI

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hòa nhập (RCI) là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, đã đăng ký hợp pháp với Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2018 và trực thuộc Trung ương Hội Nghiên cứu Khoa học về Đông Nam Á của Việt Nam.

RCI hoạt động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật, bao gồm cả trẻ em và người khuyết tật do bệnh phong gây ra. Những can thiệp chính của RCI để đạt được mục tiêu này thông qua nghiên cứu và vận động chính sách, giáo dục hòa nhập, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng, thúc đẩy sự hòa nhập xã hội của người khuyết tật. Tổ chức tiền thân của RCI là Hiệp hội Cứu trợ bệnh phong Hà Lan (NLR) khu vực Mekong. RCI ra đời nhằm tiếp nối chuyên môn, kinh nghiệm và mạng lưới đã được NLR xây dựng trong suốt 35 năm qua tại Việt Nam và một số nước trong khu vực Mekong.

PHẦN 1.

ĐẶC ĐIỂM HỌC SINH KHUYẾT TẬT

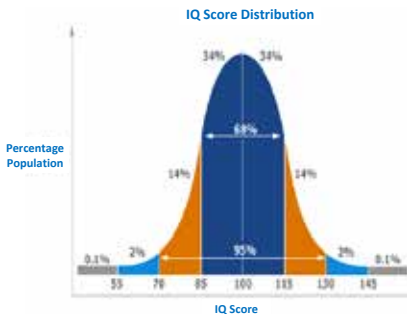




Khái niệm

Khuyết tật trí tuệ là một dạng rối loạn phát triển ảnh hưởng đến chức năng trí tuệ và kỹ năng thích ứng về các lĩnh vực xã hội và thực tiễn (DSM – V).

Tiêu chí xác định



Chức năng trí tuệ dưới mức trung bình

Xã hội:
Tương tác, duy trì và mở rộng mối quan hệ...

Khái niệm/nhận thức:
Đọc, viết, tính toán, ghi nhớ, ngôn ngữ

Thực tế:
tự phục vụ, sắp xếp và giải quyết công việc...

Thiếu hụt hoặc thiếu hụt những hành vi thích ứng



Khuyết tật này kéo dài trong suốt quá trình phát triển

Các hội chứng có thể đi kèm
với khuyết tật trí tuệ



Hội chứng
Prader – Willi



Hội chứng
Down



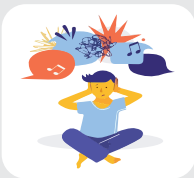
Rối loạn
phổ tự kỷ



Hội chứng
Rett

ĐẶC ĐIỂM HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

Đặc điểm cảm giác - tri giác



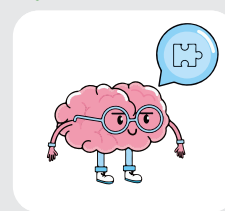
- Phản ứng chậm chạp và kém linh hoạt;
- Thụ động trong tiếp nhận thông tin;
- Cảm giác xúc giác ở học sinh khuyết tật trí tuệ hạn chế nên sự phối hợp các thao tác còn vụng về;
- Khả năng phân biệt âm thanh kém.

Đặc điểm trí nhớ



- Khó nhớ;
- Nhanh quên;
- Gặp khó khăn trong việc nhớ lại các thông tin đã được dạy.

Đặc điểm tư duy



- Tư duy mang tính cụ thể, trực quan;
- Thiếu tính liên tục trong tư duy;

Đặc điểm ngôn ngữ - giao tiếp



- Ngôn ngữ phát triển chậm so với học sinh bình thường cùng độ tuổi;
- Vốn từ ít và nghèo nàn;
- Kỹ năng giao tiếp.

Đặc điểm chú ý



- Khó tập trung trong một thời gian dài;
- Dễ bị mất tập trung;
- Độ bền tập trung không cao.

Đặc điểm học tập



- Kỹ năng đọc, viết, tính toán thấp hơn hẳn so với bạn học cùng lứa tuổi.

Sử dụng phương án điều chỉnh



Trước điều chỉnh



Sau điều chỉnh

Khái niệm

Điều chỉnh là sự thay đổi các yếu tố của quá trình dạy học nhằm giúp học sinh phát triển tốt nhất trên cơ sở khả năng và nhu cầu của học sinh.



Điều chỉnh môi trường

Căn cứ điều chỉnh

Học sinh khuyết tật trí tuệ có thể gặp một số vấn đề về:

- Thị giác (cận thị, viễn thị, rung giật nhãn cầu...);
- Khả năng học tập;
- Khả năng tập trung, chú ý;
- Khả năng di chuyển.

Cách thức điều chỉnh

Sắp xếp vị trí ngồi đảm bảo một số tiêu chí:

- Thoải mái;
- Gần bảng, gần giáo viên;
- Tránh xa nơi có tiếng ồn;
- Dễ di chuyển.



Điều chỉnh cách thức sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp và hướng dẫn

Căn cứ điều chỉnh

Học sinh khuyết tật trí tuệ gặp khó khăn trong tiếp thu và diễn đạt ngôn ngữ;

Cách thức điều chỉnh

Khi nói hoặc khi giao nhiệm vụ cần:

- Nói với tốc độ chậm vừa phải;
- Nói to và rõ ràng;
- Sử dụng câu ngắn;
- Luôn có thời gian chờ để học sinh khuyết tật trí tuệ xử lý thông tin;
- Chỉ dẫn từng bước nhỏ rõ ràng.



Điều chỉnh nhiệm vụ

Căn cứ điều chỉnh

Học sinh khuyết tật trí tuệ gặp khó khăn trong học tập ở hầu hết các môn học tại lớp học hòa nhập

Cách thức điều chỉnh

- Điều chỉnh số lượng nhiệm vụ theo hướng giảm xuống;
- Điều chỉnh độ khó của nhiệm vụ phù hợp với khả năng của học sinh.



Điều chỉnh hiển thị thông tin

Căn cứ điều chỉnh

- Học sinh khuyết tật trí tuệ có thể gặp vấn đề về thị giác;
- Tư duy cụ thể, trực quan là tư duy cốt lõi.

Cách thức điều chỉnh

- Tăng kích thước chữ trong văn bản để học sinh dễ dàng nhìn đọc hoặc nhìn viết.



Điều chỉnh thời gian

Căn cứ điều chỉnh

Học sinh khuyết tật trí tuệ gặp khó khăn trong việc xử lý thông tin và đưa ra câu trả lời.

Cách thức điều chỉnh

- Cho học sinh thêm thời gian để suy nghĩ hoặc đưa ra câu trả lời.

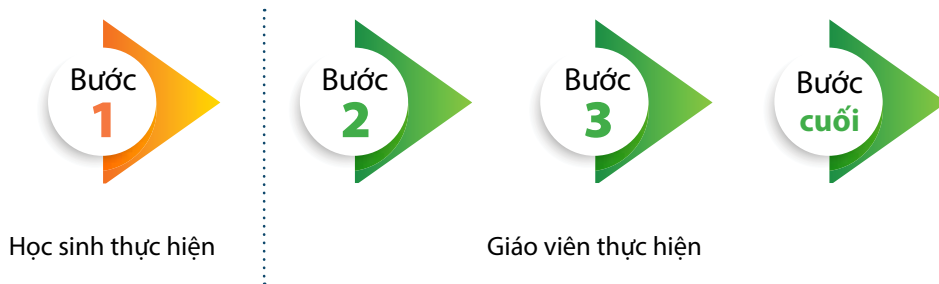


Phương pháp dạy học đặc thù

DẠY HỌC XÂU CHUỖI - CHUỖI XUÔI

Khái niệm:

Chuỗi xuôi là kỹ thuật hướng dẫn xâu chuỗi, trong đó giáo viên mời học sinh thực hiện bước đầu tiên trong chuỗi nhiệm vụ, sau đó giáo viên thực hiện các bước còn lại trong chuỗi. Khi học sinh thực hiện tốt bước một, giáo viên mời học sinh thực hiện bước một và bước hai, sau đó giáo viên thực hiện các bước còn lại trong chuỗi. Như vậy, dần dần học sinh có thể thực hiện được toàn bộ nhiệm vụ.



Cách thức thực hiện

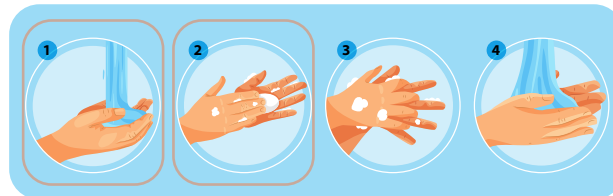
Bước 1.

Học sinh thực hiện bước 1, giáo viên giúp học sinh thực hiện 3 bước còn lại;



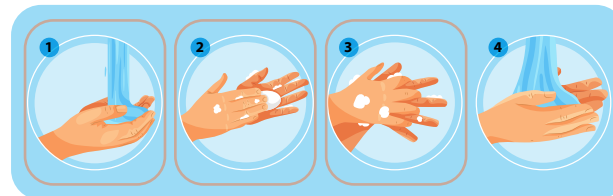
Bước 2.

Học sinh thực hiện hai bước đầu, giáo viên giúp học sinh thực hiện hai bước còn lại;



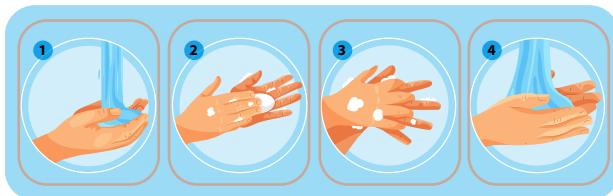
Bước 3.

Học sinh thực hiện ba bước đầu, giáo viên giúp học sinh thực hiện bước còn lại;



Bước cuối.

Học sinh thực hiện tất cả các bước.



Minh họa

DẠY HỌC XÂU CHUỖI - CHUỖI NGƯỢC

Khái niệm:

Chuỗi ngược là kỹ thuật hướng dẫn xâu chuỗi, trong đó giáo viên thực hiện hầu hết các bước trong chuỗi và để học sinh thực hiện bước cuối cùng của chuỗi nhiệm vụ. Khi học sinh thực hiện tốt bước cuối đó, giáo viên sẽ thực hiện các bước đầu và để học sinh thực hiện hai bước cuối của chuỗi. Như vậy, dần dần học sinh có thể thực hiện được toàn bộ nhiệm vụ.



Giáo viên thực hiện



Học sinh thực hiện

Cách thức thực hiện

Bước 1.

Giáo viên thực hiện bước 1, 2, 3, 4. Học sinh tự thực hiện bước cuối cùng (*bước 5*).

1. Đọc câu hỏi
2. Gạch chân vào ý chính/ từ khóa
3. Dò tìm thông tin trong bài đọc
4. Xác nhận thông tin
- ✓ 5. Trả lời câu hỏi (Đưa/chỉ vào câu trả lời)

Bước 2.

Giáo viên thực hiện bước 1, 2, 3; Học sinh tự thực hiện bước 4 và 5.

1. Đọc câu hỏi
2. Gạch chân vào ý chính/ từ khóa
3. Dò tìm thông tin trong bài đọc
- ✓ 4. Xác nhận thông tin
- ✓ 5. Trả lời câu hỏi (Đưa/chỉ vào câu trả lời)

Bước 3.

Giáo viên thực hiện bước 1 và 2, học sinh tự thực hiện bước 3, 4, 5.

1. Đọc câu hỏi
2. Gạch chân vào ý chính/ từ khóa
- ✓ 3. Dò tìm thông tin trong bài đọc
- ✓ 4. Xác nhận thông tin
- ✓ 5. Trả lời câu hỏi (Đưa/chỉ vào câu trả lời)

Bước 4.

Giáo viên thực hiện bước 1;
Học sinh tự thực hiện bước
2, 3, 4, 5.

- ↓ 1. Đọc câu hỏi
- ✓ 2. Gạch chân vào ý chính/ từ khóa
- ✓ 3. Dò tìm thông tin trong bài đọc
- ✓ 4. Xác nhận thông tin
- ✓ 5. Trả lời câu hỏi (Đưa/chỉ vào câu trả lời)

Bước 5.

Học sinh thực hiện tất cả các
bước.

- ✓ 1. Đọc câu hỏi
- ✓ 2. Gạch chân vào ý chính/ từ khóa
- ✓ 3. Dò tìm thông tin trong bài đọc
- ✓ 4. Xác nhận thông tin
- ✓ 5. Trả lời câu hỏi (Đưa/chỉ vào câu trả lời)

DẠY HỌC XÂU CHUỖI - CHUỖI TOÀN BỘ NHIỆM VỤ

Khái niệm:

Chuỗi toàn bộ nhiệm vụ là kỹ thuật hướng dẫn xâu chuỗi, trong đó giáo viên hướng dẫn lần lượt từ bước đầu tiên đến bước cuối cùng của chuỗi nhiệm vụ.

Minh họa 1

Giáo viên hướng dẫn và thực hiện cùng học sinh ở từng bước của quy trình luyện viết chữ "a":

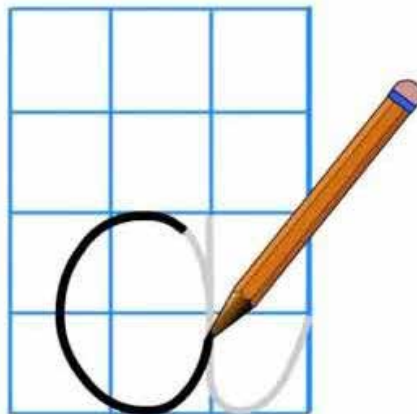
Bước 1. Cầm bút

Bước 2. Đặt bút vào chỗ chấm

Bước 3. Viết nét cong kín

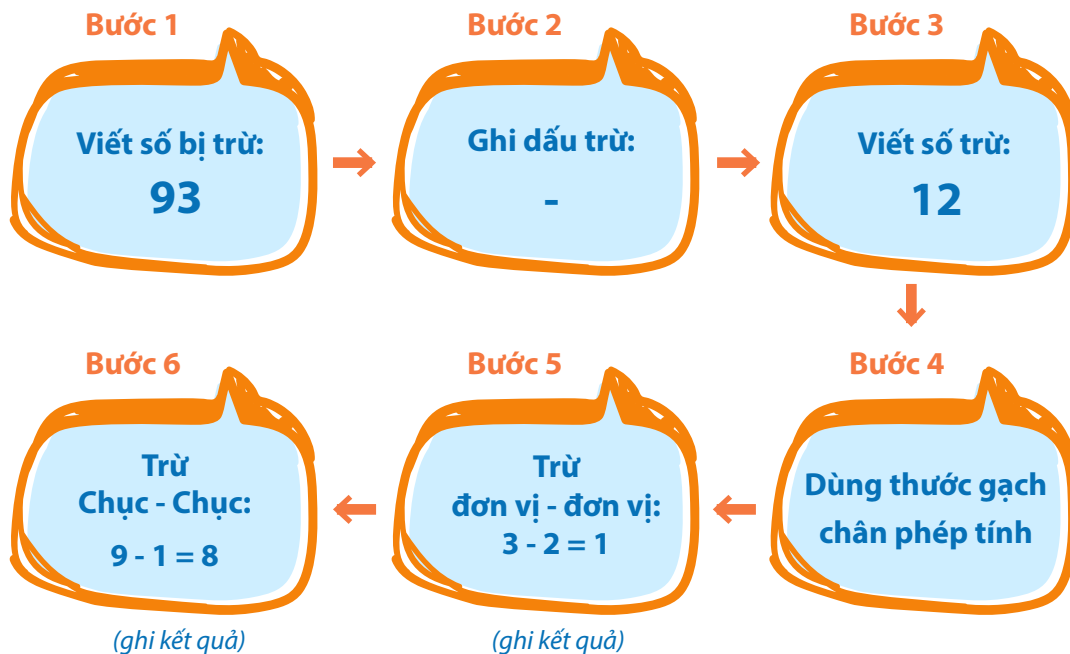
Bước 4. Viết nét móc ngược

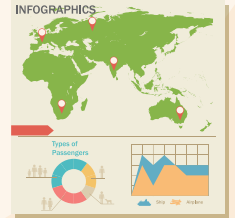
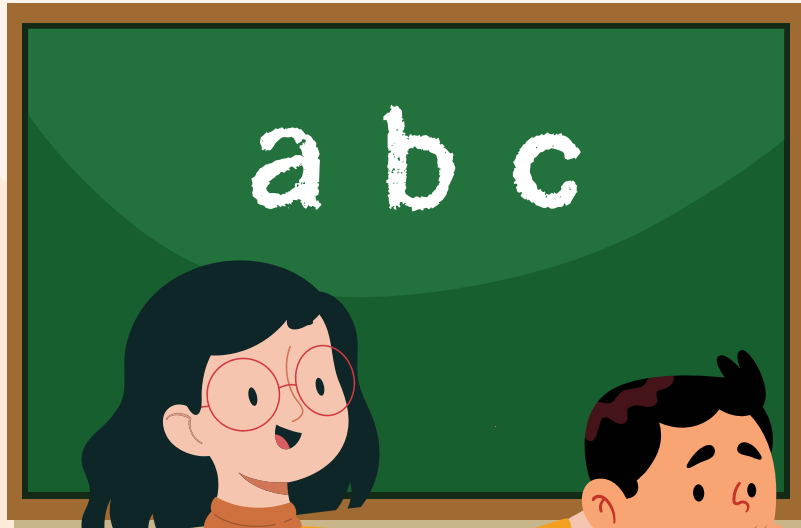
Bước 5. Đặt bút xuống bàn



Minh họa 2

Giáo viên hướng dẫn và thực hiện cùng học sinh cách giải phép tính $93 - 12$





Khái niệm

Rối loạn học tập là một dạng rối loạn phát triển thần kinh, gây cản trở khả năng học tập hoặc sử dụng một cách hiệu quả các kỹ năng học tập nền tảng khác nhau như kỹ năng đọc, viết và tính toán.



HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

1

Mất cân đối giữa trí thông minh thực tế và trí thông minh học tập (kết quả thực hiện kỹ năng học đường).

Trí thông minh thực tế

Trí thông minh học tập



2

Kết quả học tập thấp hơn hẳn so với bạn cùng lớp từ một đến vài năm.

Lớp 5

Lớp 6

Lớp 7

Lớp 2

Ví dụ: học sinh rối loạn học tập A học lớp 7 nhưng kỹ năng đọc chỉ tương đương với một học sinh lớp 2.

BIỂU HIỆN NHẬN DẠNG

3

Học sinh học kém không phải do những khuyết tật khác hoặc hoàn cảnh bất lợi gây ra.



4

Là trạng thái khó khăn mang tính bền vững và lâu dài.



Rối loạn học tập diễn ra liên tục trong suốt cuộc đời

HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

Phân biệt rối loạn học tập với học sinh khuyết tật trí tuệ, và học sinh rối loạn phổ tự kỷ

Bảng dưới đây chỉ ra một số đặc điểm khác nhau cơ bản giữa học sinh rối loạn học tập với hai nhóm học sinh dễ nhầm lẫn khác là học sinh khuyết tật trí tuệ và học sinh rối loạn phổ tự kỷ.

Nội dung	Rối loạn học tập	Khuyết tật trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ
Khiếm khuyết cốt lõi	Học tập (kỹ năng đọc, viết, tính toán...).	Năng lực nhận thức chung và kỹ năng thích ứng.	Giao tiếp xã hội.
Điểm mạnh	<p>Khả đa dạng, ở nhiều lĩnh vực và nhiều mức độ khác nhau: thể thao, âm nhạc, hội họa, thiết kế, sáng tác...;</p> <p>Khả năng bù trừ có thể phát triển để hỗ trợ cho những khó khăn về học tập. Ví dụ: Nghe và ghi nhớ âm thanh tốt.</p> 	<p>Tư duy cụ thể phát triển. Do đó, học tập tốt khi được thao tác và cảm nhận đa giác quan.</p> 	<p>Tư duy bằng hình ảnh phát triển và trở thành nòng cốt của tư duy;</p> <p>Một số ít cá nhân có những điểm mạnh nổi trội, đặc biệt.</p> 

HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

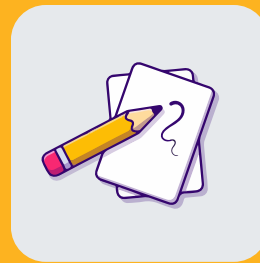
Nội dung	Rối loạn học tập	Khuyết tật trí tuệ	Rối loạn phổ tự kỷ
Chỉ số trí tuệ	Dao động từ mức trung bình thấp đến rất cao	Chỉ số trí tuệ thấp (+/- 75.)	Khoảng 33% học sinh rối loạn phổ tự kỷ có kèm theo khuyết tật trí tuệ (Theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng chống dịch bệnh Hoa Kỳ - CDC).
Kỹ năng học đường	Giảm sút một cách đáng kể ở một hoặc một vài kỹ năng học tập.	Giảm sút rõ rệt ở hầu hết các kỹ năng học tập.	Phần lớn học sinh rối loạn phổ tự kỷ gặp khó khăn rõ ràng trong việc lĩnh hội và sử dụng các kỹ năng học tập.

PHÂN LOẠI

Rối loạn
đọc



Rối loạn
viết



Rối loạn
tính toán



Rối loạn
hỗn hợp



Rối loạn đọc

- Là một trong những dạng rối loạn học tập phổ biến nhất trong nhóm Rối loạn học tập.
- Rối loạn đọc được đặc trưng bởi những khó khăn trong việc giải mã (đọc) và xử lý ý nghĩa văn bản mặc dù trí thông minh và khả năng trí tuệ của học sinh ở mức trên trung bình.
- Ba tiêu chí quan trọng nhất trong nhận diện kỹ năng đọc bao gồm:



Tốc độ đọc

- Tốc độ đọc thấp hơn chuẩn tối thiểu từ một đến vài năm

Số lỗi sai

- Thêm từ
- Bớt từ
- Thay từ
- Đoán từ
- Đảo từ
- Nhầm từ

Khả năng đọc hiểu

- Khó khăn trong việc dò tìm thông tin
- Chỉ nêu được một vài ý cơ bản, sơ giản
- Khó khăn trong kết nối ý với ý
- Khó khăn để nêu được ý chính của văn bản đọc

Rối loạn viết

- Rối loạn viết là loại khiếm khuyết trong học tập liên quan đến cách ghi nhận và thể hiện những suy nghĩ bằng chữ viết và biểu tượng.
- Rối loạn viết thường đi kèm với rối loạn đọc.
- Ba tiêu chí quan trọng nhất trong nhận diện kỹ năng viết bao gồm:



Tốc độ viết

» Tốc độ viết chậm hơn hẳn so với chuẩn yêu cầu về tốc độ viết của lớp học mà học sinh đang tham gia (có thể khi nghe - viết hoặc nhìn - viết; hoặc cả hai).

Số lỗi sai

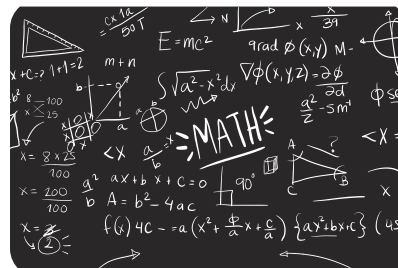
» Chữ viết xấu, rất khó đọc;
» Mắc nhiều lỗi về trình bày văn bản;
» Mắc nhiều lỗi liên quan đến từ ngữ, ngữ pháp.

Viết tập làm văn

» Khó khăn để diễn đạt được những suy nghĩ của mình bằng ngôn ngữ viết;
» Viết được nhưng sử dụng rất ít từ ngữ, từ ngữ không linh hoạt;
» Khó khăn trong việc vận dụng các biện pháp để hoàn thành bài tập làm văn hiệu quả.

Rối loạn tính toán

- Rối loạn tính toán là một loại rối loạn học tập liên quan đến việc tiếp nhận, thông hiểu và giải quyết các tình huống trong thực tế liên quan đến tính toán;
- Rối loạn tính toán biểu hiện ở hầu hết các lĩnh vực liên quan đến toán học;
- Tương tự như rối loạn đọc, rối loạn tính toán cũng được biểu hiện rõ ràng dần theo thời gian khi học sinh tham gia học tập tại các lớp học và cấp học cao hơn:



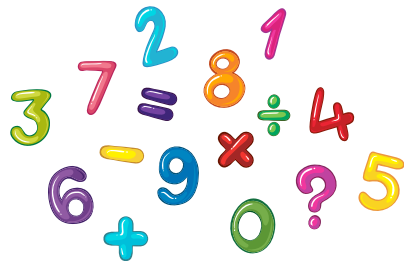
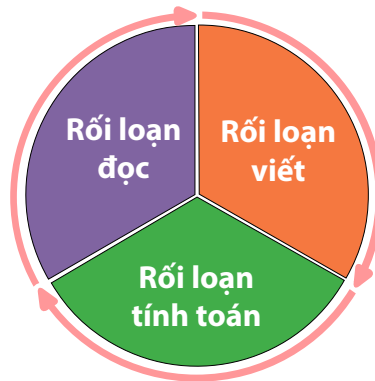
Ngay ở tuổi mầm non học sinh đã xuất hiện những dấu hiệu sau đây: khó khăn khi phải làm quen với các biểu tượng toán học sơ giản như: màu sắc, hình dạng, kích thước; khó phân biệt và sử dụng các từ chỉ vị trí đồ vật như trên dưới, trước; sau; trong ngoài; rất khó nhớ các con số và thường đếm nhầm số lượng các đồ vật.

Tiểu học: các khó khăn này càng được bộc lộ rõ hơn. Trong khi phần lớn các bạn cùng lớp dễ dàng thực hiện thành thạo 4 phép tính cơ bản thì những học sinh này luôn mắc lỗi. Học sinh luôn cần nhiều đồ dùng trực quan để thao tác trên đó mới có thể thực hiện được các phép tính cộng, trừ đơn giản. Các phép tính thực hiện với số thập phân và phân số dường như là quá khó khăn với học sinh

Phần lớn học sinh rối loạn tính toán ở cấp Trung học cơ sở có trình độ môn toán chỉ như học sinh lớp 2 đến lớp 4.

Rối loạn học tập hỗn hợp

- Số lượng học sinh rối loạn học tập chỉ gặp một dạng khó khăn học tập đơn lẻ không nhiều.
- Hầu hết học sinh rối loạn học tập gặp khó khăn ở hai hoặc ba lĩnh vực liên quan đến đọc, viết và tính toán.



Đặc điểm tâm lý, cảm xúc ở học sinh rối loạn học tập

Trên thực tế, những khó khăn trong học tập dẫn đến những thất bại trong học tập của học sinh rối loạn học tập cấp Trung học cơ sở sẽ có xu hướng xảy ra thường xuyên hơn. Kết quả học tập hạn chế, kèm theo các yếu tố ngoại cảnh như áp lực gia đình; áp lực từ phía giáo viên và nhà trường, khó khăn giữa học sinh với học sinh trong lớp... sẽ khiến cho động cơ học tập của học sinh rối loạn học tập có thể bị giảm sút đáng kể.

Áp lực
gia
đình

Áp lực
học tập

Áp lực
nhà
trường



HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

Các vấn đề của học sinh rối loạn học tập được ví như một tảng băng trôi. Trong đó, các vấn đề về học tập luôn được nhìn thấy rõ. Nhưng các vấn đề về động cơ, cảm xúc, tâm lý của những cá nhân này lại như phần băng chìm, bị ẩn sâu bên dưới mặt nước.



→ Việc thấu hiểu đặc điểm học tập và tâm lý của học sinh rối loạn học tập cần được xem xét một cách song hành với nhau nhằm đảm bảo các em có thể tham gia học tập một cách tích cực và hiệu quả.

Sử dụng phương án điều chỉnh

Điều chỉnh môi trường tâm lý – Xây dựng môi trường học tập tích cực

Căn cứ điều chỉnh

Học sinh rối loạn học tập thường có tâm lý kém tự tin vào khả năng của bản thân, động cơ học tập thấp.

Cách thức tiến hành

- Khuyến khích học sinh bằng ngôn ngữ, cử chỉ, ánh mắt,...
- Trao phần thưởng cho những nỗ lực, thành công dù nhỏ;
- Kích thích điểm mạnh và sở thích của học sinh;
- Giao tiếp thân mật và tôn trọng học sinh;
- Sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đặc biệt của học sinh;
- Khuyến khích tính tự lực vừa sức của học sinh.



Điều chỉnh thay thế cho thông tin tiếp nhận

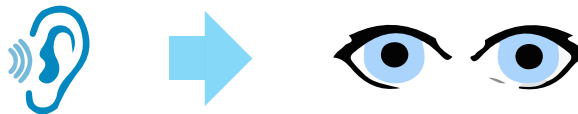
Căn cứ điều chỉnh

Một số học sinh rối loạn học tập gặp khó khăn trong việc lắng nghe thông tin.

Cách thức điều chỉnh

Điều chỉnh thay thế cho thông tin thính giác:

- Cung cấp hình ảnh giải nghĩa cho từ khó;
- Cung cấp văn bản cho bài viết chính tả nghe – viết;
- Cung cấp sơ đồ trực quan, biểu đồ, ký hiệu của bài giảng.



Một số học sinh rối loạn học tập gặp khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin bằng mắt.

Điều chỉnh thay thế cho thông tin thị giác:

- Cung cấp bản ghi âm cho bài đọc;
- Cung cấp đồ vật thật thay cho hình ảnh mô phỏng.



Điều chỉnh cách thức thực hiện của học sinh

Căn cứ điều chỉnh

Học sinh có khó khăn về viết.

Học sinh có khó khăn về sử dụng ngôn ngữ nói để diễn đạt, kết nối ý tưởng.

Cách thức điều chỉnh

- Cho phép học sinh trả lời miệng thay vì viết;
 - Cho phép học sinh làm bài trắc nghiệm thay vì làm bài tự luận.
-
- Cho phép học sinh được viết thay vì trả lời bằng miệng.



Phát triển tri giác âm thanh

Bài tập tăng độ nhạy cảm giác tri giác

- Nghe một âm vị rồi phát âm lại sau 20 giây.
- Nghe hai âm vị gần giống nhau rồi phát âm lại sau 20 giây.
- Nghe một chuỗi âm vị gần giống nhau có nhịp điệu quen thuộc rồi phát âm lại sau 20 giây.
- Giữ nguyên phần phụ âm đầu và phần vần, chỉ thay đổi phần dấu thanh để có thể hát theo giai điệu một bài hát. Ví dụ: bài hát "Cả nhà thương nhau" có thể thành: cam/ cam/ cam/ càm/ càm/ cám/ cạm/...
- Phân biệt sự giống và khác nhau của hai tiếng nghe gần giống nhau bằng cách phân tích thành phần của âm tiết (phụ âm đầu, vần, dấu thanh).

HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

- Phân biệt sự giống và khác nhau của hai tiếng nghe gần giống nhau bằng cách phân tích thành phần của âm tiết (phụ âm đầu, vần, dấu thanh).

dê	bê	đê	bò
đò	dế	quê	bó
lương	lươn	rượu	quế
lựu	hươu	cừu	khươu

- Nghe một câu nói và nhắc lại sau 20 giây.
Nghe một câu chuyện ngắn khoảng 5 câu 3 lần, sau đó kể lại nội dung chính.
Nghe từ và viết nhanh chữ biểu thị từ đó ra giấy trắng.

Phát triển tri giác hình ảnh (chữ)

Tìm và khoanh tròn một bộ phận của tiếng trong văn bản (phụ âm đầu, phần vần, dấu thanh).

Hồ sen

Hoa sen đã nở
Rực rỡ đầy hồ
Thoang thoảng gió đưa
Mùi hương thơm ngát
Lá sen xanh mát
Đọng hạt sương đêm
Sương long lanh chạy

Nhược Thủy



Phát triển tri giác hình ảnh (chữ)

Tìm những tiếng có phần vần giống nhau.
Tìm tiếng có phụ âm giống nhau.

Bình minh trong vườn

Ông mặt trời rực rỡ
Chiếu ngàn tia nắng vàng
Bác gà trống gáy sáng
Đánh thức bạn bình minh.
Ô kìa! Bé Hồng Nhung!
Vẫn khóc nhè kia đấy!
Bởi chị sương long lanh
Còn đọng trên mắt bé

Đỗ Ngọc Hương



Phát triển tri giác hình ảnh (chữ)

Tim tất cả các từ có cùng dấu thanh. Đếm số lượng từ tìm được.

Tim và đánh dấu tất cả các dấu câu trong văn bản bằng các màu khác nhau (dấu phẩy màu xanh, dấu chấm màu đỏ, dấu chấm hỏi màu vàng...).

Tim và phân biệt các cặp tiếng có chứa phụ âm đầu hoặc phần vần có hình dạng gần giống nhau (b – d; n – u; ph và qu ...)

Cây đào

Cây đào đầu xóm
Lốm đốm nụ hồng
Chúng em chỉ mong
Mùa đào mau nở
Bông đào nho nhỏ
Cánh đào hồng tươi
Hể thấy hoa cười
Đúng là tết đến

Nhược Thủy



Phương pháp, kỹ năng dạy đọc đặc thù

QUY TRÌNH DẠY ĐỌC

Bước 1

Tạo niềm tin và xây dựng động cơ học tập

- Giúp học sinh nhận biết mọi hoạt động trong cuộc sống hàng ngày đều đòi hỏi đến khả năng biết đọc (đọc thông báo, đọc bản hướng dẫn sử dụng trên các sản phẩm...)
- Tạo cơ hội cho học sinh thành công ngay lần đọc đầu tiên bằng cách lựa chọn bài đọc phù hợp với khả năng hiện tại của học sinh.

Bước 2

Xác định điểm mạnh và khó khăn khi đọc của học sinh

- Xác định hệ thống nội dung tập đọc, đọc từ đơn giản đến phức tạp;
- Yêu cầu học sinh thực hiện từ nhiệm vụ đơn giản đến phức tạp;
- Quan sát học sinh đọc và ghi lại những gì học sinh thực hiện được, những gì học sinh còn gặp khó khăn;
- Lí giải nguyên nhân những khó khăn của học sinh;
- Xác định mức độ đọc của học sinh.

HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

Bước 3

Lựa chọn nội dung, cách thức dạy đọc

Dựa trên các đặc điểm về đọc của học sinh và chương trình dạy đọc cho học sinh cấp tiểu học giáo viên tiến hành lựa chọn nội dung.

Bước 4

Lập kế hoạch dạy đọc

Xây dựng mục tiêu, xác định nội dung, lựa chọn phương pháp và thời gian dạy đọc cho học sinh dựa trên khả năng và nhu cầu của học sinh đó.

Bước 5

Thực hiện kế hoạch dạy đọc

Dạy học sinh đọc theo kế hoạch một cách linh hoạt. Ghi lại chi tiết kết quả đạt được và những điểm cần điều chỉnh sau mỗi buổi dạy.



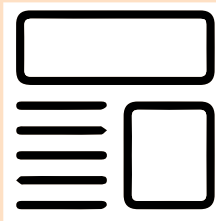
KỸ NĂNG DẠY ĐỌC

Kỹ năng phát hiện lỗi sai

- Yêu cầu học sinh đọc.
- Lắng nghe và đánh dấu những lỗi sai.
- Lập danh sách các lỗi sai.
- Lí giải nguyên nhân học sinh mắc lỗi.
- Xác định thứ tự ưu tiên các lỗi cần sửa.



Kỹ năng phân tích nhiệm vụ



- Chia nội dung bài đọc thành từng phần nhỏ.
- Cho học sinh luyện đọc.
- Nếu học sinh mắc lỗi hãy hướng dẫn bằng cách làm mẫu và lặp lại nhiều lần.

Kỹ năng lựa chọn bài đọc phù hợp



- Xác định mức độ đọc của học sinh.
- Điều chỉnh bài đọc có sẵn trong chương trình theo các hướng sau đây:
- Ưu tiên học sinh đọc các câu/đoạn dễ.
- Giảm độ dài bài đọc.
- Tăng thời gian để hoàn thành bài đọc.
- Sưu tầm, tập hợp các bài đọc ngoài chương trình nhưng phù hợp với khả năng và sở thích của học sinh.
- Thiết kế thêm các bài đọc để củng cố các nội dung vừa học.

HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

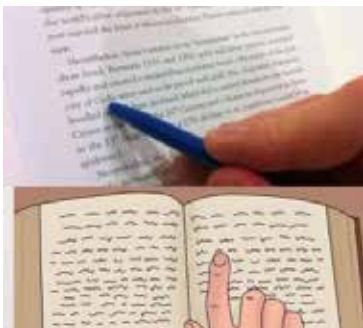
Kỹ năng hướng dẫn học sinh nối âm, vần

- Thiết kế các bài tập cho học sinh nhận biết và tập nối âm, vần.
- Làm mẫu hoạt động nối âm, vần theo các bước sau đây.
 - » Cho học sinh quan sát mẫu chữ viết âm, vần cần tập nối.
 - » Giáo viên vừa chỉ vừa đọc tiếng biểu thị âm/vần đó.
 - » Giáo viên phân tích cấu tạo của tiếng/vần vừa đọc (Ví dụ: tiếng "eo" gồm có âm "e" đứng trước, âm "o" đứng sau; đánh vần là "e - o - eo" đọc là "eo").
 - » Yêu cầu học sinh phát âm rõ lần lượt từng chữ cái.
 - » Giáo viên làm mẫu nối âm nhiều lần. Lúc đầu với tốc độ chậm, sau đó nhanh dần.
- Tổ chức cho học sinh luyện nối những âm/ vần đã biết.
- Khuyến khích học sinh chủ động sử dụng kỹ thuật nối âm/vần để ghép các âm/vần mới.

HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

Sử dụng bút chì

- Tập dụng những đồ vật có sẵn, dễ kiếm để làm bút chì như: ngón tay trở, que tính, đuôi bút chì, các loại bút đã hết mực...
- Hướng dẫn học sinh sử dụng bút để chỉ vào chân các từ, và chữ cái trong lúc đọc;
- Khuyến khích và tạo cho học sinh thói quen luôn dùng bút chì khi đọc;
- Với các học sinh ít chú ý: Cho phép học sinh đánh dấu vào các từ đang đọc. Học sinh sẽ biết mình đang đọc đến đâu và không bị xao nhãng bởi các chữ cái khác trong bài.



Sử dụng bút dấu dòng

- Yêu cầu học sinh đánh dấu vào những từ học sinh thấy khó đọc, đọc sai;
- Cho học sinh luyện đọc riêng những từ khó đó;
- Trình bày bài đọc với hình thức hấp dẫn.
- Tăng kích thước chữ;
- Dùng hình ảnh thay thế những từ khó đọc;
- Tách riêng bài đọc thành một bản riêng (khỏi sách giáo khoa);
- Tách mỗi câu trong bài đọc thành từng dòng riêng biệt.

Sử dụng thẻ nhớ

- Cùng học sinh liệt kê những từ học sinh thấy khó đọc, đọc sai;
- Hướng dẫn học sinh viết lại mỗi từ đó vào một thẻ nhớ;
- Khuyến khích học sinh sử dụng thẻ nhớ để luyện đọc từ đó ;
- Cho phép học sinh để thẻ nhớ có từ liên quan đến bài đọc ở vị trí thuận tiện trong giờ tập đọc.



Kỹ năng mở rộng vốn từ

- Sử dụng bảng từ;
- Xác định chữ cái/âm/vần học sinh vừa học;
- Lập bảng từ sử dụng chữ cái/âm/vần đó theo mẫu;
- Yêu cầu học sinh luyện đọc với bảng từ đó.;
- Sử dụng trò chơi ;
- Tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa;
- Phát triển câu từ.



Vốn từ



Kỹ năng phát hiện và sửa lỗi sai

Giáo viên sửa lỗi

- Đánh dấu những lỗi học sinh đọc sai.
- Yêu cầu học sinh đọc và viết lại từ đó nhiều lần.
- Hướng dẫn học sinh đọc đúng.
- Tổ chức luyện đọc nhiều lần.

Học sinh tự sửa lỗi

- Quy ước các dấu hiệu thể hiện là học sinh đọc sai theo từng dạng lỗi.
- Sử dụng các dấu hiệu đó một cách thống nhất.
- Khuyến khích học sinh tự phát hiện lỗi sai.
- Hướng dẫn học sinh dùng thẻ nhớ.
- Khen ngợi khi học sinh tự sửa lỗi.

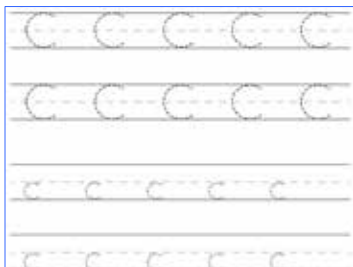
Phương pháp, kỹ năng dạy viết đặc thù

❖ Dạy viết chữ in



1. Học sinh quan sát nét hoặc chữ (từ) mẫu cần viết.
2. Giáo viên đọc to tên nét chữ ấy và đánh hướng di chuyển tay khi viết.
3. Học sinh dùng ngón tay viết lại theo mẫu trong không gian và mô tả các cử động khi viết.
4. Phân tích cấu tạo của nét hoặc con chữ và từ: độ cao, độ rộng, điểm đặt bút, điểm dừng bút khi viết, khoảng cách giữa các con chữ, các từ trên một dòng.
5. Học sinh viết lại nét chữ bằng phấn vào bảng đen hoặc bằng bút vào vở. Hỗ trợ học sinh bằng cách chấm các chấm cơ bản để tạo nét đó cho học sinh nối.
6. Học sinh nhìn và chép lại nét cơ bản, con chữ hoặc từ mẫu vào vở.
7. Học sinh viết lại theo trí nhớ khi đọc hoặc nghe đọc tên nét, tên chữ hoặc từ.
8. Khi viết từ, học sinh đánh vần và xác định cấu tạo từ gồm những con chữ nào rồi viết.

❖ Viết theo nét chấm



1. Ban đầu số chấm cho mỗi nét có thể nhiều và dày, sau đó giảm dần số chấm, giãn rộng khoảng cách giữa các chấm.
2. Số lượng chấm của mỗi nét nhiều hay ít được điều chỉnh theo khả năng thực tế của từng học sinh.
3. Giảm dần số chấm trong các nét, giữ lại một đến ba chấm quan trọng nhất cấu tạo nên nét.
4. Chấm được giữ lại là điểm đặt bút, dừng bút và điểm học sinh thường mắc lỗi khi viết.
5. Cuối cùng giáo viên bỏ hoàn toàn các chấm để học sinh tự viết lại được.

❖ Sử dụng các mẫu chữ mờ



1. Mẫu chữ đưa ra đầu tiên nên đậm, to để học sinh có thể tô theo mẫu đó bằng ngón tay hoặc đầu không viết của bút chì.
2. Dần dần, từng phần của mẫu chữ mờ đi và học sinh viết theo mẫu đó bằng bút chì.
3. Chữ mẫu đó cuối cùng mất đi và học sinh viết chữ đó không phụ thuộc vào chữ mẫu.

❖ Dạy tập làm văn

Tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan;

Cho phép học sinh thực hiện bài làm văn bằng nhiều cách khác nhau: sắp xếp câu thành đoạn, sắp xếp đoạn thành bài hoàn chỉnh...;

Hỗ trợ học sinh sắp xếp lại các ý tưởng;

Cho phép học sinh thể hiện bài viết bằng nhiều hình thức khác nhau như: trả lời miệng hoặc ghi âm bài làm; ghi âm các cuộc nói chuyện để diễn đạt thay cho bài viết ra giấy.

Phương pháp, kỹ năng dạy toán đặc thù

Dạy học toán dựa trên mức độ tư duy khái niệm toán học
Cụ thể - Bán cụ thể - Trừu tượng

Mức độ

Mức độ cụ thể

Thông tin

Mức độ cụ thể bao gồm thao tác với các đồ vật. Mức độ này hữu ích để giúp học sinh liên hệ giữa thao tác với qui trình tính toán. Ở mức độ này người học tập trung việc thao tác với đồ vật.

Minh họa



HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

Mức độ

Mức độ bán cụ thể

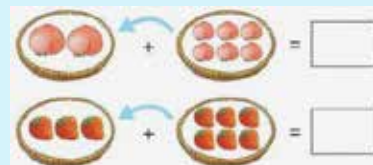
Mức độ trừu tượng

Thông tin

Ở mức độ bán cụ thể, học sinh giải các nhiệm vụ tính toán dựa trên các hướng dẫn bằng hình ảnh trực quan.

Mức độ trừu tượng bao gồm việc sử dụng biểu tượng chữ và số. Học sinh có khó khăn về toán cần được thao tác với đồ vật thật và biểu tượng hình ảnh trước khi hiểu được ý nghĩa của các khái niệm hoặc phép tính ở trình độ này.

Minh họa



HỌC SINH RỐI LOẠN HỌC TẬP

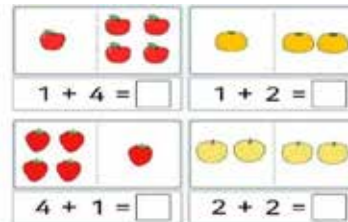
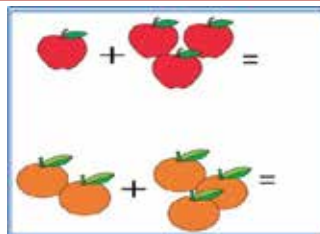
CỘNG

Minh họa

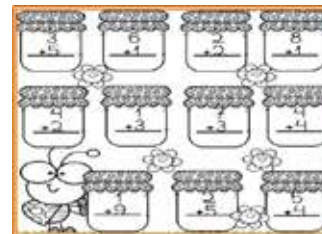
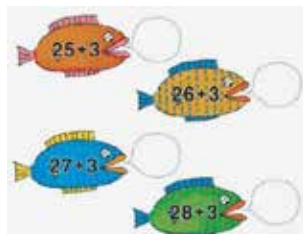
Cụ thể
(đồ vật thật)



Bán cụ thể
(hình ảnh)



Trừu tượng
(lời nói, kí hiệu)



Củng cố thái độ tích cực đối với môn Toán

- Thu hút học sinh tham gia vào các hoạt động.
- Tạo cơ hội cho học sinh thành công.
- Liên hệ đề bài toán với cuộc sống hàng ngày của học sinh.
- Cho học sinh thấy rõ khả năng học tập của mình.
- Giúp học sinh hiểu rằng sự cố gắng có tác động trực tiếp đến sự thất bại và thành công.
- Tìm ra các tác nhân khiến học sinh thành công hoặc thất bại. Điều này giúp học sinh nhận ra vai trò thái độ của mình có ảnh hưởng trực tiếp đến những gì xảy ra trong môn toán.
- Thể hiện sự hăng hái và tích cực trong môn toán và duy trì nhịp độ ổn định việc dạy môn toán.
- Củng cố tích cực với những cố gắng của học sinh trong môn toán. Học sinh cần biết khi mắc các lỗi sai tức là học sinh có thêm cơ hội để học tập.





Khái niệm

Rối loạn phổ tự kỷ được đặc trưng bởi các khiếm khuyết kéo dài về giao tiếp xã hội và tương tác xã hội trong các tình huống khác nhau, bao gồm việc khiếm khuyết trong tính qua lại về mặt xã hội, hành vi giao tiếp không lời sử dụng trong tương tác xã hội, và kỹ năng phát triển, duy trì và hiểu các mối quan hệ.



HỌC SINH RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ



Khiếm khuyết kéo dài trong giao tiếp xã hội và tương tác xã hội.



Các mẫu hành vi, sở thích hoặc hoạt động lặp lại và bị giới hạn.



Các triệu chứng phải xuất hiện trong các giai đoạn phát triển sớm.

Đặc điểm ngôn ngữ



- Khoảng 30-50% học sinh rối loạn phổ tự kỷ không phát triển ngôn ngữ nói;
- Học sinh gặp khó khăn để hiểu và đáp ứng với cử chỉ điệu bộ, nét mặt của người khác;
- Sử dụng ngôn ngữ theo cách bất thường như phát ra những âm thanh không có nghĩa, nhại lời;
- Có ngôn ngữ lời nói nhưng không chủ động nói....;
- Học sinh thường hiểu nhiều hơn nếu những gì được nói có kèm theo hình ảnh minh họa.

Đặc điểm giao tiếp xã hội



- Giao tiếp mắt hạn chế;
- Ít phản ứng khi được gọi tên;
- Không khởi xướng, duy trì và mở rộng các tương tác xã hội.
- Ít chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân với người khác;
- Khó khăn để hiểu các quy tắc hành xử trong các tình huống xã hội (ví dụ: khi nào phải ngồi im, khi nào được chạy, khi nào được ăn...).

Đặc điểm tư duy

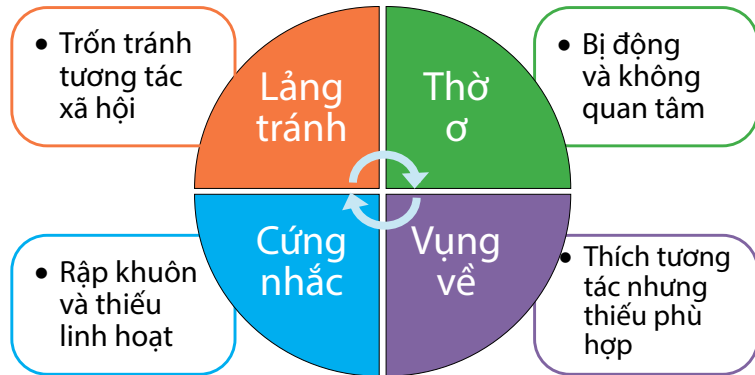
Tư duy hình ảnh phát triển ở mức độ cao và trở thành nòng cốt của tư duy.

Ví dụ:

"Tôi suy nghĩ bằng hình ảnh.
Lời nói đối với tôi giống như là ngoại ngữ vậy"



Phân loại rối loạn phổ tự kỉ dựa trên khó khăn về tương tác xã hội



Rối loạn cảm giác

Rối loạn cảm giác ở học sinh tự kỷ (Sensory Processing Disorders – SPD) là các rối loạn phức tạp của não bộ dẫn tới sự xáo trộn các giác quan ảnh hưởng tới sự phát triển của học sinh.

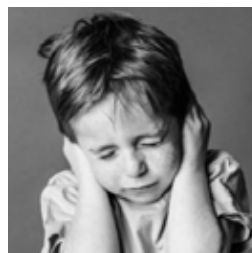
Rối loạn về xử lý thị giác



Một số học sinh có xu hướng tránh né những kích thích thị giác tác động đến mình nếu có ngưỡng cảm giác thấp/ nhạy như nheo mắt, che mắt khi thấy ánh sáng.

Một số học sinh khác còn có những hành vi tìm kiếm như nhìn hiêng, nhìn đèn, thích bật công tắc điện, thích nơi có ánh sáng nhấp nháy.

Rối loạn về xử lý thính giác



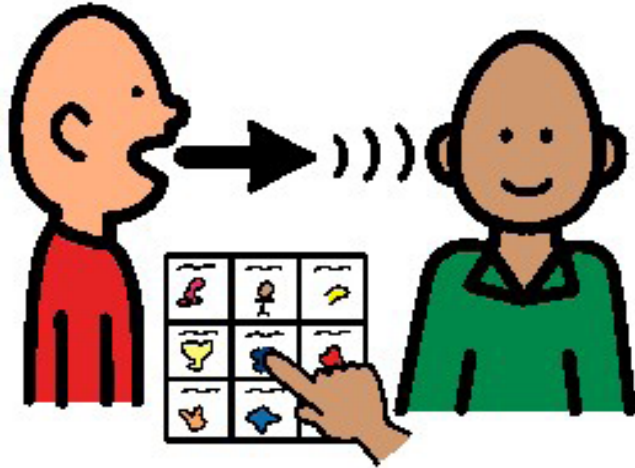
Thính giác của một số học sinh quá nhạy cảm với một số âm thanh dù là nhỏ nhất. Nên học sinh sẽ có xu hướng tránh né những kích thích thính giác này bằng cách bịt tai, hét lên...

Một số học sinh khác có thể đi tìm kiếm âm thanh bằng cách tự tạo ra một số âm thanh như giơ tay búng gấn tai, nghiêng răng kèn kẹt, gõ liên tục vào răng...

GIAO TIẾP TĂNG CƯỜNG VÀ THAY THẾ (AAC)

Khái niệm

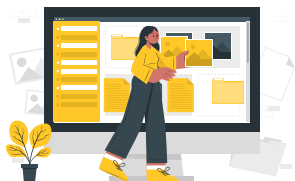
Giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC) là một loại hệ thống hoặc chiến lược được sử dụng để hỗ trợ giao tiếp cho những cá nhân không có ngôn ngữ lời nói hoặc gặp quá nhiều hạn chế về sử dụng ngôn ngữ lời nói, đặc biệt là học sinh rối loạn phổ tự kỷ.



HỌC SINH RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

Tại lớp học, giáo viên có thể lựa chọn và áp dụng một số chiến lược AAC sau để hỗ trợ hoặc hướng dẫn học sinh

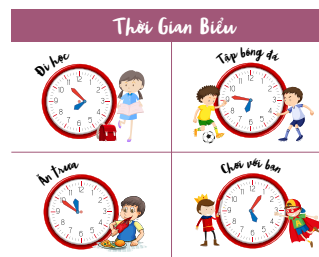
Kế hoạch bằng hình ảnh



Bảng quy định hành vi



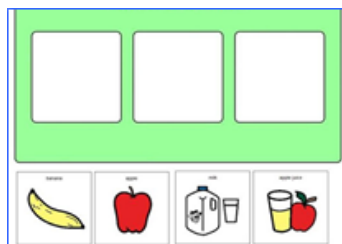
Thời gian biểu



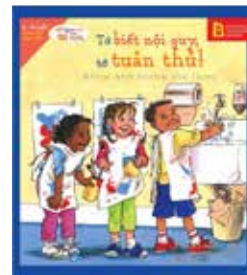
Hệ thống giao tiếp
trao đổi qua hình ảnh



Bảng lựa chọn



Câu chuyện xã hội



Đạy học cấu trúc

Hiểu một cách đơn giản thì dạy học có cấu trúc chính là cách thức thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo khuôn khổ, trình tự logic và ổn định. Trong đó, cung cấp tối đa những gì có thể tiếp thu bằng kênh thị giác và giảm thiểu những hướng dẫn bằng lời.

Cấu trúc hóa môi trường

Là sự xem xét và sắp xếp môi trường vật chất (lớp học, góc học) sao cho học sinh tự kỉ cảm thấy an toàn; dễ dàng tiếp cận và tiếp nhận thông tin; chủ động trong hoạt động của bản thân.



HỌC SINH RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

Cấu trúc hóa lịch hoạt động

Sắp xếp các hoạt động theo trật tự hoặc kèm yêu cầu cụ thể.



1
Học Toán



2
Học Tiếng Việt



3
Học Thể chất



4
Học Âm nhạc

Cấu trúc hóa nhiệm vụ

Chia nhiệm vụ thành các bước thực hiện cụ thể, có thể kèm hình ảnh minh họa để gợi nhắc cho học sinh rối loạn phổ tự kỷ cách thức thực hiện.





Khái niệm

Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

Nhận diện

Dấu hiệu bất thường của cơ quan thị giác

- Hình dạng mắt bất thường
- Mắt quá nhiều lòng trắng;
- Mắt có màu trắng đục;
- Hai mắt không to bằng nhau
- Mắt không sáng và trong
- Mắt nhìn lơ đãng, không linh hoạt
- Khi nhìn hai mắt không cùng tập trung vào vật cần nhìn.
- Cầu mắt bị sụp, hõm mắt sâu; hoặc cầu mắt lồi ra.



Dấu hiệu nhận diện thông qua hành động

Hành động tương tác

Không giao tiếp mắt
– mắt với người khác

Hành động với mắt

Thường xuyên dụi mắt,
nháy mắt, ấn tay vào mắt

Hành động di chuyển

Hay va vấp vào
các vật/ người trên
đường đi

Hành động quan sát

Đưa đồ vật lên sát mắt hoặc cúi sát người vào đồ vật để
nhìn; Không nhìn thẳng vào vật cần nhìn mà nghiêng, cúi,
ngửa đầu khi nhìn

Hành động sức khỏe

Hay phàn nàn vì đau đầu,
buồn nôn, hoa mắt, mắt bị
nóng và ngứa mắt

Đặc điểm

Đặc điểm vận động

- Vận động tinh khá tinh tế và có thể phát triển tốt hơn khi được hỗ trợ tốt;
- Vận động khó: khó khăn trong việc cảm nhận và kiểm soát không gian; lo sợ vận động vì sợ ngã hoặc va chạm.

Đặc điểm tri giác

- Thị lực suy giảm;
- Như một cơ chế bù trừ, các giác quan khác nhạy bén và tinh tế hơn, bao gồm thính giác và xúc giác.
- Tuy nhiên, xúc giác cần được hỗ trợ phát triển để có thể trở nên tinh tế và nhạy bén hơn.



Đặc điểm tư duy, nhận thức

- Tư duy cụ thể chiếm ưu thế;
- Tư duy mang tính chấp nối và rời rạc do học sinh có ít cơ hội để quan sát tổng thể sự vật, hiện tượng;
- Các yếu tố như tình trạng của cơ quan thị giác, thị lực, trường thị giác, kinh nghiệm, điều kiện giáo dục và học tập sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tư duy, nhận thức của học sinh.



Đặc điểm giao tiếp

- Ngôn ngữ và giao tiếp xã hội của học sinh phát triển chậm hơn so với học sinh cùng lứa tuổi;
- Biểu hiện nét mặt nhiều khi không trùng khớp với ngữ điệu;
- Học sinh cần nhiều thời gian để tìm hiểu mọi điều xung quanh;
- Giao tiếp sáo rỗng trong nhiều tình huống.



DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

Phương pháp trực quan

Học sinh khuyết tật nhìn cảm nhận thế giới bằng xúc giác và thính giác. Do đó, tạo cơ hội cho học sinh được học tập thông qua sờ và nghe (cảm nhận, thao tác và hướng dẫn bằng lời) phương pháp hướng dẫn hiệu quả và nên được sử dụng thường xuyên.



Sử dụng nhiều vật liệu cảm quan hơn

Học sinh khuyết tật nhìn có xúc giác nhạy bén hơn bình thường, do đó học sinh vẫn có khả năng tiếp nhận đầy đủ thông tin chính xác mà không cần đến thị giác. Giáo viên nên sử dụng đa dạng các vật liệu, mô hình để học sinh có thể sờ, ngửi, nếm...



Sử dụng sách nói và sách chữ nổi Braille

Việc sử dụng sách nói và sách chữ nổi Braille hoàn toàn phù hợp với điểm mạnh về xúc giác và thính giác của học sinh khuyết tật nhìn.



Điều chỉnh môi trường

- Sắp xếp để học sinh được ngồi ở vị trí dễ tiếp cận và tiếp nhận thông tin bằng lời hoặc bằng hình ảnh (nếu học sinh vẫn có khả năng phân biệt sáng/tối hoặc nhìn được ở một mức độ nhất định).
- Học sinh nên ngồi ở khoảng giữa lớp và phía đầu.
- Một vài trường hợp có thể phải sắp xếp theo cách khác (ví dụ học sinh có mắt trái nhìn tốt hơn nên ngồi ở phía bên phải lớp và ngược lại).
- Chuẩn bị hình ảnh có nội dung rõ ràng và sắc nét nếu học sinh có thể nhìn được ở một mức độ nhất định.



ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ ĐẶC THÙ DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

Sách nói

Sách nói là sách được chuyển đổi từ sách in chữ phổ thông bằng cách đọc và ghi âm lại trên băng đĩa. Sau đó dùng các phương tiện như đài cassette, đài đĩa...để nghe. Tại Việt Nam nhiều sách giáo khoa và truyện được chuyển đổi theo hình thức này.



Sách giáo khoa chữ nổi

Học sinh mù hoàn toàn và học sinh không thể sử dụng mắt để đọc chữ phổ thông phải sử dụng chữ nổi để học. Sách chữ nổi in bằng chữ nổi Braille và các hình được chuyển đổi và điều chỉnh sang hình nổi phù hợp với khả năng nhận biết qua sờ bằng tay.



Bảng và dùi viết chữ nổi Braille dùng để viết chữ nổi

Có nhiều loại bảng và dùi viết chữ nổi Braille với số lượng dòng, cột và kích thước khác nhau. Hầu hết bảng viết chữ nổi được làm bằng nhựa.



Kính lúp

Học sinh nhìn kém sử dụng để tăng kích thước chữ hoặc vật nhỏ khi đọc, quan sát.



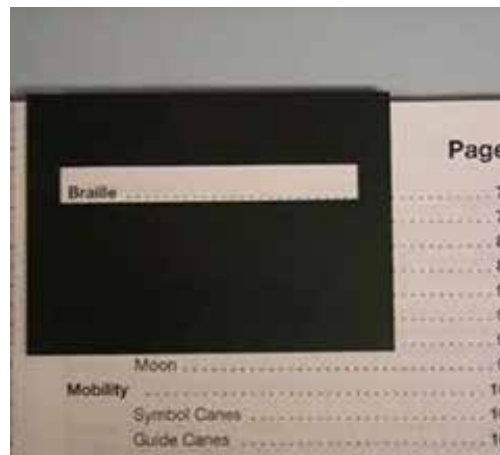
Giá đọc sách

Học sinh nhìn kém có thể đọc dễ hơn mà không phải thay đổi tư thế ngồi.



Khe đọc

Khe đọc làm bằng bìa cứng, màu đen và có đục rãnh thủng ở giữa với chiều dài bằng chiều rộng trang giấy, chiều cao to hơn chiều cao của chữ to khoảng 3 – 5mm. Học sinh nhìn kém sử dụng khe đọc đặt lên trang giấy sao cho dòng chữ cần đọc nằm vào đúng khe hở. Khe đọc được dùng cho học sinh nhìn kém để học sinh dễ tập trung vào dòng cần đọc hơn và độ tương phản giữa chữ với xung quanh cũng tăng hơn.



Giấy viết có dòng kẻ đậm

Học sinh nhìn kém khó nhìn theo dòng kẻ sẵn nên giấy có dòng kẻ đậm sẽ giúp học sinh viết và đọc hàng thẳng tốt hơn.



Bút đánh dấu dòng

Bút đánh dấu chữ hoặc đoạn chữ. Học sinh dùng bút tô lên trên chữ hoặc đoạn chữ (thường là màu có tông đen hoặc tối) cho chữ rõ hơn để dễ đọc.



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY ĐỌC ĐẶC THÙ

Kỹ năng định hướng, di chuyển

Định hướng, di chuyển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp học sinh khuyết tật nhìn có thể tự định hướng chính xác, di chuyển độc lập, an toàn, duyên dáng và lịch sự.

Các thế tay an toàn

Tư thế an toàn trên

Hướng dẫn thực hiện

Lòng bàn tay hướng ra ngoài, đầu ngón tay giữa chạm vào tóc mái ở trán.

Đưa tay ra cách mặt 20 - 25cm, các ngón tay khép lại và hướng lên trời.

Công dụng

Che mặt tránh vật trên cao như cửa sổ đang mở, cành cây ...

Tìm các mục tiêu trước mặt: dây phơi, ...

Tìm vật rơi khi cúi xuống.



HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

Tư thế an toàn ngang

Hướng dẫn thực hiện

Đưa cánh tay lên ngang ngực, gập khuỷu tay lại, để cẳng tay vuông góc với cánh tay, các ngón tay khép lại, lòng bàn tay úp xuống dưới.

Công dụng

Thăm dò, kiểm tra khi nghi ngờ hoặc có cảm giác gặp chướng ngại vật.
Đi ngang qua cửa.
Đi vào chỗ không quen thuộc.
Tìm những vật dụng có tầm cao ngang vai như kệ, tủ...



Tư thế an toàn dưới

Hướng dẫn thực hiện

Cánh tay duỗi thẳng xuống giữa người, lòng bàn tay hướng ra ngoài, các ngón tay khép lại, cách người 20 - 25cm

Công dụng

Che chở phần dưới cơ thể khi nghi ngờ có chướng ngại vật thấp.
Tìm những vật thấp ngang tầm cánh tay bỏ xuống như bàn, ghế, đầu giường...



Kỹ năng xác định điểm mốc

- Điểm mốc là bất kì đồ vật, sự vật phát ra âm thanh, mùi hương, nhiệt độ hay có thể đụng chạm được.
- Điểm mốc cố định và không thay đổi.
- Điểm mốc có ít nhất một điểm khác biệt để phân biệt nó với các vật khác xung quanh.
- Điểm mốc có thể dễ dàng xác định bằng cách nhìn, sờ, ngửi, hoặc nghe.



Kỹ năng xác định điểm đầu mối

- Điểm đầu mối là các kích thích có thể nghe được, ngửi được, sờ mó được (bao gồm cả nhiệt độ), hay nhìn thấy được (bao gồm cả màu sắc, ánh sáng, độ tương phản) có tác động đến cảm giác/ mà nó có thể thay đổi, biến đổi (tức không ổn định)/ để xác định vị trí phương hướng của đường đi.
- Điểm đầu mối có thể đứng yên hoặc chuyển động.
- Tuy nhiên không phải tất cả các kích thích đều là điểm đầu mối.



Phương pháp định hướng không gian với đồ vật

Dựa vào những một vật nhất định trong không gian để xác định vị trí của bản thân như cửa ra vào, cửa sổ, bàn, ghế...

Từ những vật trên, hướng dẫn học sinh định hướng trái phải, trên - dưới, trước - sau....



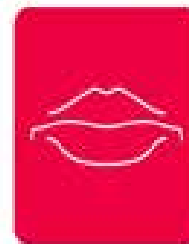
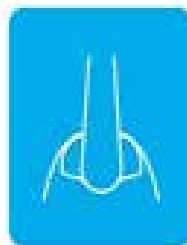
Phương pháp định hướng bằng thính giác

Trước khi tiến hành hướng dẫn học sinh định hướng không gian bằng thính giác, hỗ trợ để học sinh rèn luyện kỹ năng phát hiện âm thanh, phân biệt âm thanh. Dựa vào âm thanh nghe được, hướng dẫn học sinh cách xác định hoặc định hướng di chuyển.



Phương pháp kết hợp đa giác quan

- Thông qua cảm giác của cơ quan vận động, rèn luyện để học sinh cảm nhận được học sinh đang di chuyển, vận động trên mặt phẳng nào: bằng phẳng, lồi lõm, trơn nhẵn, đi lên hay đi xuống. Từ đó, xác định vị trí của bản thân và hướng di chuyển.
- Hướng dẫn để học sinh cảm nhận học sinh đang ở đâu bằng xúc giác: trong nhà hay ngoài trời, khoảng không gian trước mặt... dựa vào cảm giác với gió, nhiệt độ...
- Cảm giác áp lực/sức ép giúp học sinh xác định các vật cản trước mặt.



Phương pháp di chuyển dùng gậy

Các kỹ năng sử dụng gậy:

- Tư thế trước khi xuất phát: Hai chân đứng song song, thẳng đứng, mặt hướng về phía trước, tay cầm gậy buông xuôi tự nhiên, áp nhẹ vào thân. Cẳng tay co lên ngay thắt lưng sao cho bàn tay ở phía trước một gang tay (20cm). Nắm chuôi gậy trong lòng bàn tay bằng ba ngón tay (ngón út, ngón đeo nhẫn, ngón giữa). Ngón cái đặt theo trục gậy.
- Luyện dùng gậy (nên cho học sinh đứng tại chỗ luyện dùng gậy)
- Điều khiển gậy chuyển từ trái sang phải và ngược lại bằng cổ tay cầm gậy chứ không phải cánh tay
 - + Đầu gậy chuyển động theo đầu quả lắc: đầu gậy chạm đất ở hai bên đường đi (khoảng cách hai điểm đầu gậy chạm đất bằng độ rộng vai vai)
 - + Đầu gậy theo kiểu quét: đầu gậy không chạm đất mà luôn cách mặt đất chừng 10 cm.



Kỹ năng sử dụng chữ nổi Braille

Thay chữ hoa thành chữ thường, vì ký hiệu chữ nổi hoa phải thêm báo hoa là chấm 46 vào phía trước.

Cung cấp bảng chữ cái braille đầy đủ.



Ô chữ Braille

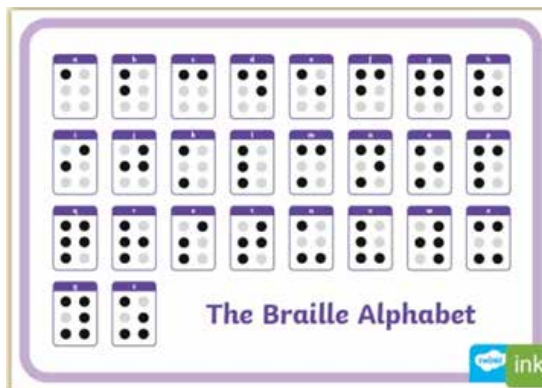
Mỗi đơn vị của hệ thống chữ nổi Braille được gọi là ô chữ Braille.

Ô chữ Braille gồm 6 chấm nổi được xếp thành 2 hàng dọc và 3 hàng ngang:

- Mỗi hàng dọc có 3 chấm, mỗi hàng ngang có 2 chấm.
- Các chấm nổi được đánh số thứ tự: Cột dọc trái theo thứ tự từ trên xuống dưới có các chấm 1,2 và 3;
- Cột dọc phải theo thứ tự từ trên xuống dưới có các chấm 4,5 và 6.

Tương ứng với các hàng dọc thì các chấm trên hàng ngang như sau:

- Hàng ngang trên có 3 chấm số 1 ở góc trái trên, chấm số 4 ở góc phải trên;
- Hàng ngang giữa có 2 chấm số 2 ở bên trái, chấm số 5 ở bên phải;
- Hàng ngang dưới có 2 chấm số 3 ở góc trái dưới và chấm số 6 ở góc phải dưới.



Quy tắc đọc chữ nổi Braille

Quy tắc đọc

Đọc chữ nổi Braille theo chiều từ trái sang phải bằng hai tay, lần lượt từng ô Braille cho đến hết dòng. Khi xuống dòng, lại tiếp tục đọc từ ô đầu tiên bên trái cho đến hết dòng.



Cách sờ để nhận biết các tổ hợp chữ nổi

Sử dụng hai đầu ngón tay trỏ phải và trái;

Dùng đầu ngón tay trỏ phải sờ nhẹ từ trên xuống dưới và từ trái qua phải để nhận biết các tổ hợp/cụm tổ hợp chấm nổi. Đầu ngón trỏ trái phối hợp sờ theo để kiểm tra lại. Khi sờ chỉ đặt nhẹ đầu ngón tay, không di hoặc miết mạnh lên mặt giấy.



Tư thế ngồi đọc

- Ngồi ngay thẳng: cột sống và cổ thẳng, không cúi đầu, không ngửa mặt, vai thẳng, không vẹo, lệch cột sống.
- Hai chân để song song thoải mái, hai bàn chân đặt lên trên nền nhà.
- Mặt bàn đặt trang giấy để đọc không quá thấp hoặc quá cao mà phải tạo cảm giác thoải mái khi để tay đọc, tránh cho học sinh phải vẹo, gây mỏi tay.



Quy tắc viết chữ nổi Braille

Quy tắc: Trường hợp viết ô Braille bằng máy đánh chữ và máy tính: viết theo chiều từ trái sang phải như khi đọc.

Trường hợp viết ô Braille bằng bảng và dùi: viết theo chiều từ phải sang trái. Khi đó vị trí các chấm lõm được quy định ngược lại với vị trí chấm nổi.



Quy tắc viết:

- Một chữ được viết trong một ô Braille;
- Các chữ trong một từ được viết liền nhau;
- Sau mỗi chữ để cách 1 ô Braille;
- Các dấu câu được viết liền sau con chữ cuối cùng;
- Nếu một chữ chỉ có phần vần và thanh điệu thì kí hiệu dấu thanh được ghi trước kí hiệu vần;
- Một chữ có phụ âm đầu (đơn hoặc kép), vần và thanh điệu, khi viết lưu ý kí hiệu dấu thanh phải được ghi sau phụ âm đầu và trước phần vần.





Khái niệm

Khuyết tật nghe là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói. Không thể phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

Nhận diện

Nhận diện qua cấu trúc ngoài tai



Tai nhỏ hơn bình thường, nhưng có cấu trúc gần như bình thường.



Vành tai nửa dưới trông bình thường. Ống tai có thể bình thường hoặc nhỏ, hoặc đóng lại.



Vành tai chỉ có da và sụn, giống "hình củ lạc". Không có ống tai.



Không có vành tai và ống tai.

Nhận diện qua cấu trúc tai ngoài

**Tắc ống tai do chất nhầy
viêm tai bị xơ dính**

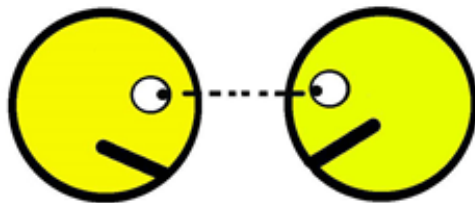


Tắc ống tai do ráy tai hoặc dị vật



Nhận biết qua khả năng tiếp nhận âm thanh

Nhìn chăm chăm vào mặt người khác khi nói chuyện



Không phản ứng với âm thanh và lời nói



Không xác định được nguồn âm thanh



Nghiêng đầu hoặc lại gần
nguồn âm thanh phát ra



Không thực hiện được các
yêu cầu, hướng dẫn đơn giản

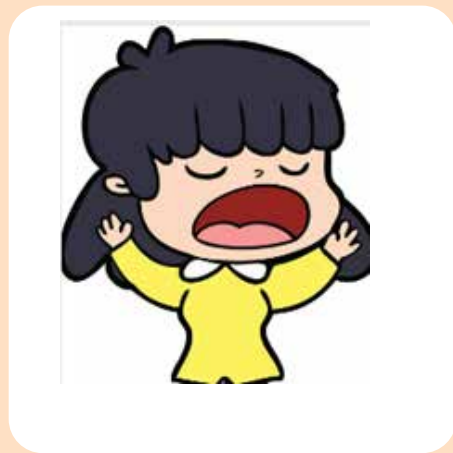


Nhận biết qua biểu đạt âm thanh

Thường xuyên yêu cầu nhắc lại



Nói to hơn mức bình thường



Phát âm sai khi nói



Sử dụng nhiều cử chỉ,
điệu bộ



Vốn từ kèm phong phú
Hạn chế về lời nói và giao tiếp



B) HỌC SINH CÂM

Khiếm khuyết,
dị dạng cơ quan
phát âm

Vốn từ nghèo nàn,
mất hoặc không
có ngôn ngữ

Sử dụng ngôn
từ không đúng
ngữ cảnh

Phát âm không
rõ ràng hoặc sai

Rối loạn giọng
nói; nói ngọng

Nói sai cấu trúc
ngữ pháp

Đặc điểm học sinh khuyết tật nghe

Đặc điểm cảm giác - xúc giác

- Xúc giác, thị giác đóng vai trò quan trọng trong quá trình nhận thức;
- Dễ dàng nhận ra những điểm khác nhau giữa những đối tượng quan sát hoặc nhận ra từng chi tiết của đối tượng được quan sát;
- Tri giác phân tích của học sinh khuyết tật nghe thường nổi trội hơn tri giác tổng hợp.



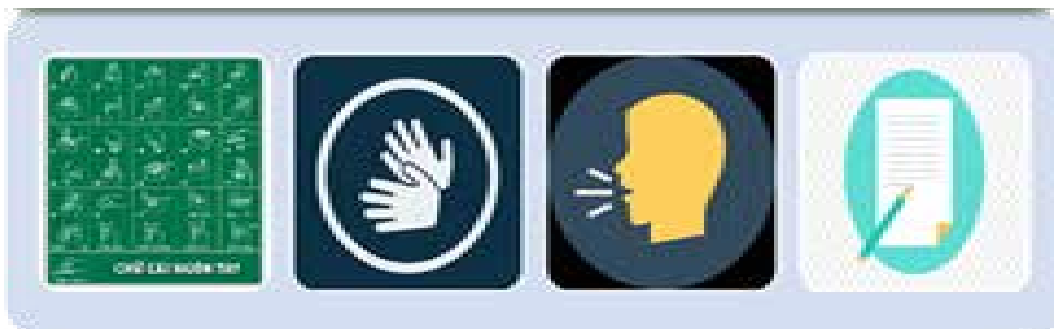
Đặc điểm tư duy

- Tư duy trực quan – hành động chiếm ưu thế;
- Hiểu nội dung, sự vật theo nghĩa đen, khó khăn trong việc nhận thức nghĩa bóng;
- Khó tư duy trừu tượng.



Đặc điểm ngôn ngữ

- Ngôn ngữ nói phát triển phụ thuộc vào các yếu tố thời điểm suy giảm thính lực, thời điểm phát hiện, thời điểm đeo và mức độ phù hợp của thiết bị trợ thính, thời điểm can thiệp, chất lượng can thiệp.
- Ngôn ngữ nói có thể nghèo nàn, mắc lỗi phát âm, cấu trúc ngữ pháp.
- Ngôn ngữ kí hiệu được coi là ngôn ngữ mẹ đẻ, phù hợp với học sinh không có thiết bị trợ thính hoặc ngôn ngữ nói hạn chế.
- Chữ cái ngón tay là phương tiện hỗ trợ trong các hoạt động học tập và giao tiếp.
- Chữ viết: hạn chế trong việc trình bày, diễn đạt ý tưởng.



DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NGHE

Phương pháp dạy học cho học sinh khuyết tật nghe

Để dạy học cho học sinh khuyết tật nghe trong trường hòa nhập một cách hiệu quả, giáo viên có thể sử dụng đa dạng, linh hoạt một số phương pháp dạy học sau:



HỌC SINH KHUYẾT TẬT NGHE

THUYẾT TRÌNH

Học sinh khuyết tật nghe có khả năng nghe và ngôn ngữ khác nhau. Do vậy, để sử dụng phương pháp thuyết trình trong dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật nghe cần lưu ý một số điểm như sau:

Khoảng cách

Đứng gần,
tránh ngược sáng

Ngữ điệu

Nhấn mạnh,
làm nổi bật từ khóa

Tốc độ nói

Vừa phải, không cường điệu
khẩu hình miệng



HỌC SINH KHUYẾT TẬT NGHE

GIÁO CỤ TRỰC QUAN



Sinh động và có hiệu quả nhất

Vật thật

Đảm bảo hình ảnh rõ ràng, đẹp mắt

Tranh ảnh

Mô hình

Đảm bảo mô phỏng vật thật một cách sinh động và hấp dẫn

Băng hình

Trích đoạn phù hợp với nội dung bài dạy

Lưu ý:

- Giáo cụ trực quan cần kích thích thị giác và xúc giác.
- Giáo cụ trực quan cần đáp ứng những yêu cầu sau:
 - + Nội dung phù hợp với chương trình dạy học
 - + Tùy theo chức năng của thị giác, xúc giác, khả năng và nhu cầu của từng học sinh khuyết tật nghe; đồ dùng cần có kích thước, độ lớn khác nhau.

THÍ NGHIỆM

Thí nghiệm là một hình thức dạy học trực quan giúp học sinh khuyết tật nghe được thao tác trực tiếp trên dụng cụ thí nghiệm. Nhờ đó, học sinh có thể quan sát hiện tượng xảy ra, thu thập thông tin một cách dễ dàng và rút ra được kết luận sau khi thí nghiệm kết thúc.

Lưu ý:

- Các bước thực hiện thí nghiệm cần được mô tả bằng cả hình ảnh và chữ trên bảng để học sinh dễ quan sát;
- Luôn đảm bảo an toàn cho học sinh khi tham gia học tập theo hình thức thí nghiệm, trải nghiệm.



LÀM VIỆC NHÓM

Học hợp tác nhóm

Là hình thức dạy học có sự kết hợp tính tập thể và cá nhân trong đó dưới sự chỉ đạo của giáo viên, học sinh trao đổi ý tưởng, giúp đỡ nhau lĩnh hội kiến thức, kỹ năng. Từng thành viên không chỉ có trách nhiệm với việc học của mình mà còn quan tâm đến các bạn khác trong nhóm.



Tiến trình thực hiện

Bước 1
Hình thành
nhóm

Bước 2
Phân vai

Bước 3
Giao nhiệm vụ

Bước 4
Thực hiện

Bước 5
Báo cáo

Bước 6
Đánh giá

Lưu ý:

- Giao nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với khả năng của học sinh khuyết tật nghe.
- Sắp xếp thành viên nhóm hỗ trợ học sinh khuyết tật nghe, nói trong suốt quá trình hoạt động.
- Sử dụng đa dạng, linh hoạt phương tiện giao tiếp phù hợp với khả năng ngôn ngữ của học sinh.

a) Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm

Sử dụng trò chơi

Cá biệt hóa trong dạy học hòa nhập

1

Mỗi học sinh khuyết tật nghe có mức độ khó khăn khác nhau - điều chỉnh mục tiêu giáo dục đáp ứng nhu cầu của từng em.

2

Có thể điều chỉnh: vị trí ngồi, khoảng cách giữa giáo viên và học sinh, cách đưa ra yêu cầu hoặc thêm thời gian thực hiện.

3

Sử dụng linh hoạt các phương tiện giao tiếp phù hợp với khả năng ngôn ngữ của từng em, đặc biệt với nhóm học sinh không có hoặc hạn chế ngôn ngữ nói.

Phát huy khả năng nghe còn lại



1

Hạn chế tối đa tiếng ồn, tạo môi trường nghe thuận lợi



2

Đảm bảo thiết bị trợ thính luôn hoạt động tốt



3

Đứng ở vị trí, khoảng cách phù hợp, điều chỉnh tốc độ, âm lượng lời nói khi cần



4

Tận dụng tinh hướng học tập, không ngừng mở rộng vốn từ cho học sinh

Phát huy khả năng nghe còn lại

Luôn nói trước mặt học sinh,
tránh đứng ngược sáng.

Lời nói rõ ràng, rành mạch,
không nhát gừng và cường
điều hóa.

Luyện đọc từ đơn giản
đến phức tạp:
từ -> cụm từ -> câu

Luyện các từ dễ đọc
hình miệng

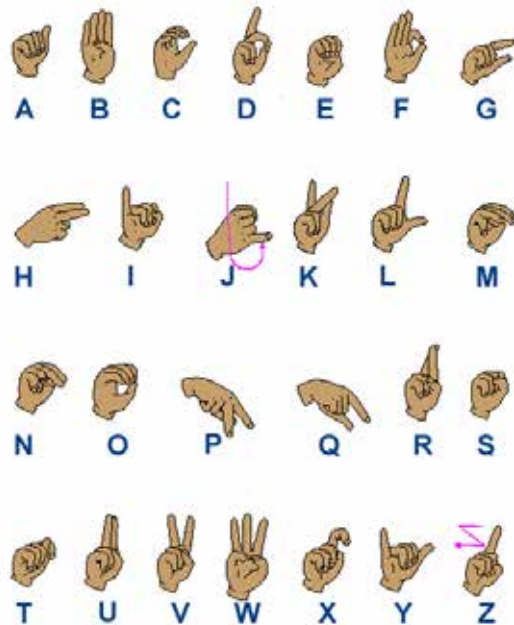
Hình thành kĩ năng xác định điểm mấu chốt của từng từ,
cụm từ, câu

Chữ cái ngón tay



- Chỉ dùng một tay (tay phải hoặc tay trái);
- Tầm tay để ngang miệng;
- Lòng bàn tay hướng về phía trước;
- Chỉ chuyển động các ngón tay, cổ tay, không chuyển động cánh tay;
- Vị trí của các ngón tay phải đúng và chính xác;
- Trình tự đánh chữ cái ngón tay tương tự như viết chữ;

Là hệ thống chữ cái được biểu thị bằng các ngón tay, viết trên không tương tự như cách viết tiếng Việt. Mỗi chữ cái được biểu thị bằng một động tác nhất định của các ngón tay (hình dạng gần giống như chữ viết).



Ngôn ngữ kí hiệu

Là ngôn ngữ sử dụng hình dạng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ điệu bộ và sự thể hiện trên khuôn mặt để giao tiếp trao đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc.

Cách làm kí hiệu:

- Tốc độ làm kí hiệu, vừa phải, không quá nhanh, không quá chậm;
- Thể hiện kí hiệu chính xác theo 5 đặc trưng;
- Luôn kết hợp cùng cử chỉ điệu bộ.

Gồm 5 thành tố:

- Vị trí làm kí hiệu;
- Hình dạng bàn tay;
- Chuyển động của tay;
- Chiều hướng của tay;
- Diễn tả không bằng tay: sắc thái, biểu cảm

Một số đặc trưng ngữ pháp:

- **Từ:**
Danh từ + số từ (ví dụ: người/2);
- **Câu:**
Chủ ngữ + bổ ngữ + động từ (ví dụ: Tôi/ màu đỏ/ thích)

Giao tiếp tổng hợp



Là việc sử dụng tất cả các phương tiện giao tiếp: kí hiệu, chữ cái ngón tay, đọc hình miệng, nghe, nói, viết, nét mặt và cử chỉ điệu bộ.

Bằng cách tiếp cận với tất cả các kênh giao tiếp học sinh khuyết tật nghe, nói có thể sử dụng các cơ quan cảm giác để phát triển ngôn ngữ và giao tiếp.

Điều kiện thực hiện:

- Học sinh khuyết tật nghe, nói, giáo viên, học sinh không khuyết tật đều có khả năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, chữ cái ngón tay thành thạo;
- Xác định rõ được khả năng ngôn ngữ của học sinh;
- Sử dụng linh hoạt các phương tiện giao tiếp.

PHẦN 2



Khái niệm giáo dục hòa nhập

Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục trong đó học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt cùng học với học sinh em khác, trong trường phổ thông ngay tại nơi học sinh sống.

Bản chất của giáo dục hòa nhập



Giáo dục cho mọi đối tượng học sinh. Mọi học sinh đều được tôn trọng và đều có giá trị như nhau.



Học ở trường nơi mình sinh sống.



Mọi học sinh đều cùng được hưởng một chương trình giáo dục phổ thông.



Tôn trọng sự khác biệt của mỗi cá nhân học sinh; đồng thời chào đón sự đa dạng về đặc điểm cá nhân trong một tập thể lớp.



Vấn đề cốt lõi của giáo dục hòa nhập có hiệu quả nằm ở việc điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và thay đổi quan điểm, cách đánh giá.

Bảng so sánh các yếu tố của giáo dục hòa nhập và các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập:

Các yếu tố của giáo dục hòa nhập

- Giáo dục mọi đối tượng học sinh.
- Học sinh được học ở trường thuộc khu vực sinh sống.
- Học sinh được bố trí vào lớp học phù hợp với lứa tuổi trong môi trường giáo dục phổ thông.
- Cung cấp các dịch vụ và giúp đỡ học sinh.
- Dạy học một cách sáng tạo, tích cực và hợp tác.
- Bạn bè cùng lứa giúp đỡ lẫn nhau.

Các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập

- Giáo dục cho một số đối tượng học sinh.
- Học sinh khuyết tật được gửi đến trường học chuyên biệt khác với trường học của anh, chị, em hay hàng xóm của các em.
- Học sinh được bố trí vào lớp học không phù hợp với lứa tuổi trong môi trường giáo dục phổ thông.
- Học sinh phải rời môi trường giáo dục phổ thông để tìm các dịch vụ và sự trợ giúp.
- Dạy học một cách thụ động, lặp đi lặp lại và không hợp tác.
- Bạn bè cùng lứa hoạt động độc lập hoặc cạnh tranh với nhau.

Các yếu tố của giáo dục hòa nhập

- Học sinh với những khả năng khác nhau được học theo nhóm.
- Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và cách đánh giá.
- Mọi học sinh đều là thành viên của tập thể.
- Lớp học có tỷ lệ học sinh hợp lý.
- Mọi học sinh được hưởng cùng một chương trình giáo dục phổ thông.
- Giáo viên phổ thông và chuyên biệt cùng chia sẻ trách nhiệm giáo dục mọi đối tượng học sinh.

Các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập

- Học sinh với những khả năng giống nhau được học theo nhóm.
- Chuẩn hoá chương trình, phương pháp dạy học và cách đánh giá.
- Một số học sinh là thành viên của tập thể, số khác phải đánh đổi để được là thành viên của tập thể.
- Lớp học có tỷ lệ học sinh khuyết tật khá lớn.
- Chương trình giáo dục cá nhân không liên quan đến chương trình giáo dục phổ thông.
- Giáo viên phổ thông và chuyên biệt không chia sẻ trách nhiệm giáo dục mọi đối tượng học sinh.

Các yếu tố của giáo dục hòa nhập

- Sự đa dạng được đánh giá cao.
- Chú trọng đến điểm mạnh của học sinh.
- Với phương pháp dạy học đa dạng, học sinh tham gia vào các hoạt động chung và đạt được các kết quả khác nhau.
- Cân bằng hiệu quả giữa kiến thức và xã hội.
- Lập kế hoạch cho quá trình chuyển tiếp của học sinh.

Các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập

- Sự đa dạng không được đánh giá cao.
- Chú trọng đến điểm yếu của học sinh.
- Với phương pháp dạy học và yêu cầu đã được chuẩn hoá, học sinh tham gia vào các hoạt động riêng biệt.
- Chỉ chú trọng đến hiệu quả về mặt kiến thức.
- Không có kế hoạch cho quá trình chuyển tiếp của học sinh.

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP

Những vấn đề chung về kế hoạch giáo dục cá nhân

Khái niệm

Kế hoạch giáo dục cá nhân là một bản kế hoạch được thiết kế cho mỗi học sinh khuyết tật để giúp giáo viên có thể định hướng được:

- Nội dung
- Phương pháp
- Hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc
- Giáo dục học sinh trong nhà trường, tại gia đình và cộng đồng nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể.



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP

Yêu cầu cần đảm bảo của bản kế hoạch giáo dục cá nhân



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP

Thành phần của kế hoạch giáo dục cá nhân

1. Thông tin cá nhân và gia đình học sinh

2. Mục tiêu dài hạn

3. Mục tiêu ngắn hạn

4. Thời gian thực hiện

5. Các phương pháp và hình thức tổ chức

6. Kế hoạch đánh giá

7. Chữ ký

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP

Cụ thể:

Thành phần 1.

Thông tin cá nhân và gia đình

Là những thông tin cần thiết về tình trạng ban đầu của học sinh bao gồm những thông tin về cá nhân học sinh, về tình trạng khuyết tật của học sinh và những thông tin có liên quan về tiền sử bệnh tật trong gia đình học sinh, những chẩn đoán, kết luận và chỉ định của y tế, những đánh giá về mức độ phát triển các kĩ năng, các chức năng, những sự trì hoãn hoặc những điểm mạnh của học sinh, những nhu cầu cần được đáp ứng và hỗ trợ...

Thành phần 2. Mục tiêu dài hạn

Mục tiêu dài hạn thường là mục tiêu năm. Mục tiêu năm là những gì học sinh có thể làm được trong vòng một năm ở mỗi lĩnh vực nhất định. Đó là kì vọng về những điều mà học sinh có thể thực hiện được sau thời gian một năm.

Thành phần 3. Mục tiêu ngắn hạn

Mục tiêu ngắn hạn là những mô tả về các bước cần thực hiện nhằm đạt được mục tiêu năm. Thông thường các kĩ năng được hình thành bởi một chuỗi các hành vi và kĩ năng nhỏ. Mỗi bước nhỏ để đi đến việc hoàn thành mục tiêu năm có thể là một mục tiêu ngắn hạn. Những mục tiêu ngắn hạn được xây dựng dựa trên phân tích nhiệm vụ.

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRONG TRƯỜNG HÒA NHẬP

Thành phần 4. Thời gian thực hiện

Mỗi kế hoạch giáo dục cá nhân cần phải chỉ rõ ngày bắt đầu chương trình và ngày đánh giá. Những ghi chép của giáo viên mỗi lần đến gia đình học sinh hoặc ở trường đều là những thông tin vô cùng bổ ích và quan trọng. Đặc biệt là ngày bắt đầu các dịch vụ và thời gian thực hiện các dịch vụ này.

Thành phần 5. Các phương pháp/biện pháp và phương tiện hỗ trợ

Phương pháp, biện pháp và phương tiện hỗ trợ được liệt kê cụ thể tương ứng với mỗi mục tiêu đề ra. Nhờ đó, khi một cá nhân mới (ví dụ: giáo viên mới, nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập...) đọc bản kế hoạch này, họ có thể dễ dàng hình dung và thực hiện tương tự như cha mẹ hoặc giáo viên của học sinh khuyết tật.

Thành phần 6. Đánh giá

Kết quả thực hiện của học sinh cần được ghi lại cụ thể cuối học kì I, học kì II và cho cả năm học.

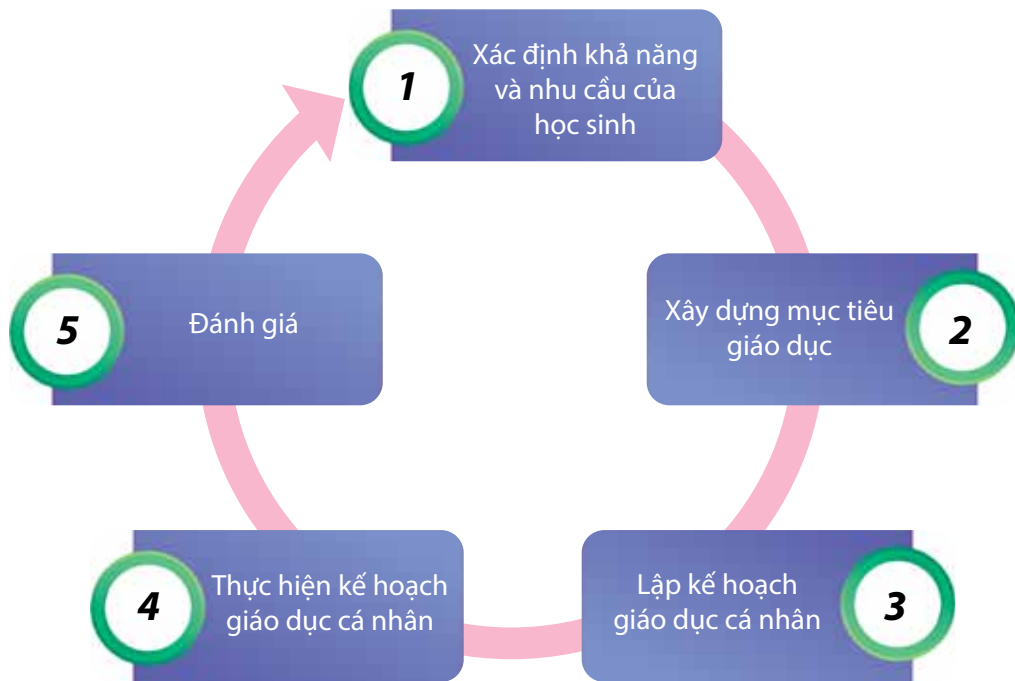
Thành phần 7. Chữ ký

Sự nhất trí về nội dung và cách thức tiến hành của những người tham gia vào việc xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân thể hiện bằng chữ kí của họ. Trong điều kiện của các trường hòa nhập tại Việt Nam hiện nay, sự tham gia của các thành viên sau có thể được tính đến: cha mẹ học sinh, ban giám hiệu nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên hỗ trợ.



Sơ đồ quy trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân

Đây là một quy trình khép kín gồm 5 bước trong xây dựng và thực hiện một bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật. Trong đó, bước trước là tiền đề cho bước tiếp theo.



Bước 1. Xác định khả năng, nhu cầu của học sinh

- Lý do cần xác định khả năng, nhu cầu của học sinh
- Phát hiện những tiềm năng của học sinh;
- Phát hiện những nhu cầu, lĩnh vực cần phát triển của học sinh;
- Là cơ sở để xây dựng mục tiêu, xác định nội dung, biện pháp giáo dục học sinh.

Nội dung tìm hiểu khả năng và nhu cầu học sinh**Khả năng học tập**

Ví dụ: kỹ năng đọc, viết và tính toán

**Khả năng phát triển thể chất và vận động**

Ví dụ: kỹ năng vận động thô (đi, chạy,) kỹ năng vận động tinh (cầm bút)...



Khả năng ngôn ngữ - giao tiếp

Ví dụ: vốn từ, khả năng nghe hiểu, biểu đạt ngôn ngữ

**Kĩ năng tự phục vụ**

Ví dụ: kỹ năng ăn uống, vệ sinh

**Hành vi, tính cách**

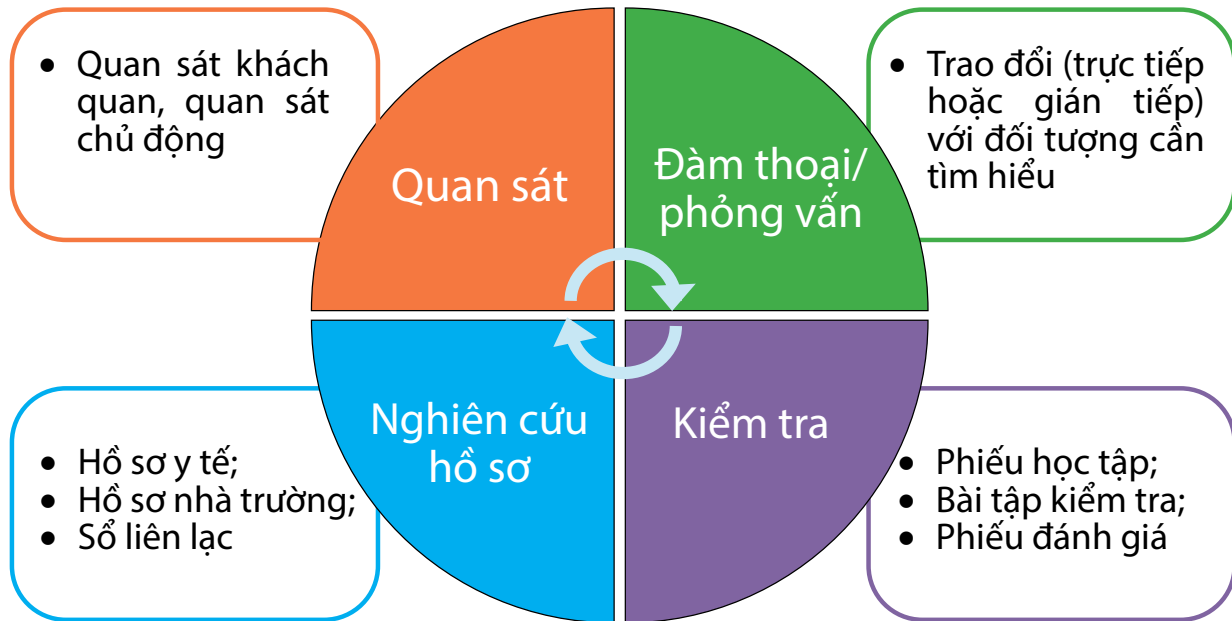
Ví dụ: hành vi phù hợp và chưa phù hợp

**Kỹ năng xã hội**

Ví dụ: kỹ năng kết bạn, khởi xướng tương tác



Phương pháp tìm hiểu



Phương pháp quan sát



Cách thực hiện

Quan sát tự nhiên hoặc thông qua tình huống/bối cảnh được chuẩn bị trước những hành vi, phản hồi của học sinh khuyết tật; Ghi chép khách quan, trung thực mọi thông tin thu thập được.

Phương pháp đàm thoại/ phỏng vấn



Cách thực hiện

Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và trao đổi (trực tiếp hoặc gián tiếp) với đối tượng cần tìm hiểu (gia đình, hàng xóm, cộng đồng, giáo viên đã dạy học sinh, nhân viên y tế...) nhằm thu thập thông tin về học sinh khuyết tật.

Kiểm tra



Cách thực hiện

Sử dụng các bài kiểm tra khác nhau (phiếu học tập, bài tập kiểm tra, phiếu đánh giá...) để kiểm tra khả năng thực hiện và mức độ tham gia của học sinh ở lĩnh vực đó.

Nghiên cứu hồ sơ



Cách thực hiện

Xem xét, thu thập thông tin liên quan tới học sinh khuyết tật trong hồ sơ y tế, hồ sơ nhà trường, sổ liên lạc giữa nhà trường và gia đình, các sản phẩm học tập của học sinh...

Bước 2. Xây dựng mục tiêu giáo dục**Khái niệm**

Mục tiêu giáo dục là kết quả giáo dục mong muốn đạt được thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong điều kiện, thời gian nhất định.

Cơ sở để xây dựng mục tiêu

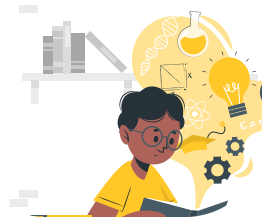
Khi xây dựng mục tiêu giáo dục cho học sinh, người giáo viên phải căn cứ vào:

➤ **Đặc điểm học**

sinh: kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống của học sinh, những gì học sinh cần đáp ứng và tương lai phát triển của học sinh.



➤ Mục tiêu, nội dung, chương trình của năm học, cấp học.





➤ Điều kiện, phương tiện của nhà trường, lớp học và gia đình học sinh.

➤ Đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương: đặc điểm đặc thù về địa lý, về kinh tế, văn hóa - xã hội...



Các yêu cầu của mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục phải đảm bảo 4 yếu tố sau:

◆ Đối tượng thực hiện hành vi:

Đối tượng thực hiện ở đây chính là học sinh khuyết tật

◆ Điều kiện thực hiện:

Điều kiện ở đây được nói tới như là các yếu tố về vật chất, chuyên môn và con người.

◆ Hành vi có thể quan sát, lượng giá được:

Đây là những hành vi cụ thể của học sinh sau quá trình thực hiện.

◆ Các tiêu chí đánh giá:

Là mức độ học sinh có thể thực hiện được sau một khoảng thời gian nhất định.

Ví dụ:

Sau khi được nghe giáo viên đọc mẫu văn bản và giải nghĩa từ khó, học sinh LVA có thể **đọc** được bài tập đọc trong chương trình học kì II lớp 2 với **tốc độ 50 tiếng/phút, độ chính xác 80%**.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Một số yêu cầu khi xây dựng kế hoạch

- ◆ **Hệ thống kiến thức, kỹ năng** cần được xây dựng từ mức độ đơn giản đến mức độ khó/cao hơn. Chẳng hạn như: việc xây dựng các giai đoạn để hình thành khả năng phân biệt/định hướng trong không gian sẽ diễn ra theo trình tự các mức độ sau: Trong – ngoài, trước – sau, Trên – dưới, Phải – trái;
- ◆ **Các nhiệm vụ càng được chia nhỏ** thành các bước và thực hiện từng bước/từng phần nhỏ thì càng tốt. Việc xây dựng được trên cơ sở một hệ thống các bước, tùy từng học sinh với những khả năng và nhu cầu khác nhau mà xác định số lượng các bước nhiều hay ít, song nhất định phải đi theo từng bước để đạt được mục tiêu mong muốn;
- ◆ **Thiết kế các hoạt động** được diễn ra trong nhiều môi trường khác nhau nhằm tăng số lượng kiến thức cũng như tăng mức độ thành thạo các kỹ năng cho học sinh;
- ◆ **Sử dụng đồ dùng, phương tiện** cần tuân thủ chặt chẽ quy luật của quá trình nhận thức. Do đó, quá trình sử dụng này sẽ được diễn ra như sau: Vật thật ---- Mô hình ---- Hình ảnh ---- Ngôn ngữ ---- Khái niệm;
- ◆ **Xây dựng kế hoạch chuyển tiếp** về thời gian, ví dụ như giữa hai học kỳ, hai cấp học.

Bước 4. Tổ chức thực hiện

Trước khi được thực hiện, bản Kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh cần phải được thông qua tổ chuyên môn của khối lớp, Hội đồng chuyên môn của nhà trường, Ban giám hiệu nhà trường và đặc biệt là của chính cha mẹ học sinh. Trong quá trình thực hiện, các lực lượng tham gia cũng sẽ có những cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi chuyên môn, điều chỉnh kế hoạch thực hiện. Bằng cách này sẽ gắn kết được các thành viên lại thành một nhóm có trách nhiệm chung, quan trọng hơn điều này sẽ góp phần làm cho bản kế hoạch trở nên hiện thực và tính khả thi sẽ cao hơn.

Bước 5. Đánh giá

Việc đánh giá kế hoạch cần phải dựa trên mục tiêu và những kết quả dự kiến đã được ghi rõ khi xây dựng kế hoạch. Mục đích cuối cùng của việc đánh giá là nhằm xác định mức độ phát triển tốt nhất của học sinh. Đánh giá phải được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện từ bước đầu tiên tìm hiểu học sinh đến kết quả cuối cùng; đồng thời đưa ra những điều chỉnh đúng lúc ngay trong quá trình thực hiện kế hoạch.

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phương pháp điều chỉnh
trong dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật

Đồng loạt

Đa trình độ

Điều chỉnh

Trùng lặp giáo án

Thay thế

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phương pháp điều chỉnh đồng loạt

Khái niệm

Là phương pháp điều chỉnh mà giáo viên giữ nguyên các yếu tố mục tiêu, nội dung, hoạt động dạy học cho toàn bộ học sinh trong lớp, bao gồm học sinh khuyết tật. Giáo viên có thể cung cấp cho học sinh khuyết tật một số hỗ trợ về thời gian hoặc tương tác để hoạt động học tập của học sinh khuyết tật diễn ra thuận lợi hơn.

Lợi ích

Phương án này giúp học sinh khuyết tật được phát huy tối đa khả năng của mình ở những môn học, nội dung học tập là thế mạnh của học sinh hoặc học sinh không gặp khó khăn để tiếp nhận kiến thức, kỹ năng đó.

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Minh họa

Mục tiêu, nội dung, hoạt động của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật là **giống nhau**.

	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
Đồng loạt	+	+	+
Đa trình độ	-	+	+
Trùng lặp giáo án	-	-	+
Thay thế	-	-	-

* Ghi chú:

Dấu "+" : giống nhau

Dấu "-" : khác nhau

Ví dụ:

Học sinh A- lớp 3 - khuyết tật vận động, có thể tham gia các hoạt động học tập môn Tiếng Việt như các bạn khác.

Đồng loạt	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
	+	+	+
<i>Cụ thể</i>	<i>Cả lớp và học sinh A: Đọc và tìm hiểu được nội dung văn bản "Có chí thì nên"</i>	<i>Cả lớp và học sinh A: Đọc chung văn bản "Có chí thì nên"</i>	<i>Cả lớp và học sinh A: cùng đọc bài, trả lời câu hỏi, làm phiếu bài tập.</i>

* Lưu ý:

Chỉ sử dụng phương án điều chỉnh này khi xác định chắc chắn rằng học sinh khuyết tật có thể tham gia hoặc đủ khả năng để theo học như các bạn trong lớp.

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phương pháp điều chỉnh đa trình độ

Khái niệm

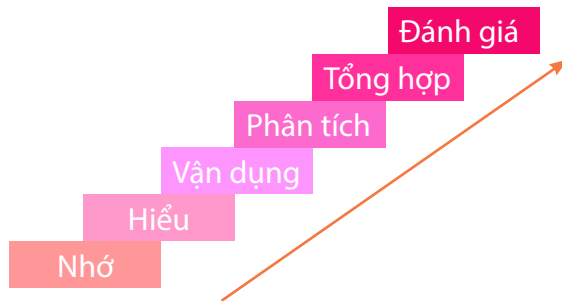
Khi sử dụng phương pháp đa trình độ, giáo viên sẽ tổ chức để học sinh khuyết tật tham gia cùng một nội dung, hoạt động học tập, nhưng ở mức độ yêu cầu về mục tiêu khác với các bạn còn lại ở trong lớp học.

Cơ sở

Cách điều chỉnh này dựa trên cơ sở mô hình nhận thức của Bloom về 6 mức độ nhận thức: Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá.

Lợi ích

Phương án này giúp học sinh khuyết tật vẫn có thể tham gia học tập cùng các bạn trong lớp, nhưng theo đuổi mục tiêu phù hợp với khả năng của học sinh.



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Minh họa

- Nội dung, hoạt động của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật là **giống nhau**.
- **Mục tiêu** học tập của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật là **khác nhau**.

	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
Đồng loạt	+	+	+
Đa trình độ	-	+	+
Trùng lặp giáo án	-	-	+
Thay thế	-	-	-

Ví dụ:

- Khi học bài Địa lý “Sông và Hồ”, học sinh cả lớp có thể “phân tích được mối quan hệ và sự giống nhau, khác nhau cơ bản giữa sông và hồ”.
- Học sinh B (khuyết tật) có thể: nêu được các khái niệm “sông” và “hồ” và nguyên nhân hình thành “sông, hồ”.

Học sinh B là học sinh khuyết tật:

Đa trình độ	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
	-	+	+
Cụ thể	<i>Cả lớp:</i> Mục tiêu về phân tích, so sánh <i>Học sinh B:</i> Mục tiêu về ghi nhớ, nhắc lại kiến thức	<i>Cả lớp và học sinh B:</i> Bài Địa lý “Sông và Hồ”	<i>Cả lớp và học sinh B:</i> Đọc và tìm hiểu bài

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phương pháp điều chỉnh trùng lặp giáo án

Phương án điều chỉnh này được sử dụng khi học sinh khuyết tật chưa theo được hoàn toàn vào các hoạt động theo mục tiêu chung của lớp học. Học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật cùng tham gia những hoạt động chung của bài học nhưng theo mục tiêu và nội dung học tập riêng.



Minh họa

- **Hoạt động** của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật là **giống nhau**.
- **Mục tiêu và nội dung** học tập của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật là **khác nhau**.

	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
Đồng loạt	+	+	+
Đa trình độ	-	+	+
Trùng lặp giáo án	-	-	+
Thay thế	-	-	-

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Ví dụ:

- Học sinh cả lớp hướng đến mục tiêu đọc và tìm hiểu nội dung liên quan đến bài đọc;
- Học sinh khuyết tật đọc và tìm, khoanh tròn những từ chỉ hoạt động trong văn bản đọc đó.

Học sinh C là học sinh khuyết tật trí tuệ

Trùng lặp giáo án	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
	-	-	+
<i>Cụ thể</i>	<i>Cả lớp: Đọc và tìm hiểu nội dung bài</i> <i>Học sinh C: Đọc và tìm từ chỉ hoạt động có trong bài</i>	<i>Cả lớp: Đọc và tìm hiểu nội dung bài</i> <i>Học sinh C: Đọc và tìm từ chỉ hoạt động có trong bài</i>	<i>Cả lớp và Học sinh C</i> <i>Đọc văn bản</i>

* Lưu ý: Chỉ sử dụng phương án điều chỉnh trùng lặp giáo án:

- Khi xác định chắc chắn rằng học sinh khuyết tật khó có thể tham gia và đạt được mục tiêu giống như các bạn trong lớp;
- Khi có thể tận dụng ngữ liệu bài học làm cơ sở để học sinh khuyết tật và theo đuổi một mục tiêu khác phù hợp với khả năng của bản thân;
- Để phát huy được hiệu quả của phương án này, giáo viên nên xem xét kỹ lưỡng nội dung trong mỗi bài học, từ đó liên kết với khả năng học tập của học sinh và lựa chọn ra mục tiêu và nội dung học tập phù hợp.

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phương pháp điều chỉnh thay thế

Khái niệm

Khi sử dụng phương án điều chỉnh thay thế, học sinh khuyết tật sẽ cùng ngồi chung với học sinh không khuyết tật trong giờ học nhưng học theo hai chương trình khác nhau.

Lợi ích

Phương án này giúp tránh tình trạng học sinh khuyết tật ngồi “thất nghiệp” hoàn toàn trong lớp học. Nhờ đó, tránh được các vấn đề về tâm lý và hành vi không phù hợp của học sinh.

Minh họa

Như vậy, **mục tiêu, nội dung, hoạt động** của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật là **khác nhau**.

	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
Đồng loạt	+	+	+
Đa trình độ	-	+	+
Trùng lặp giáo án	-	-	+
Thay thế	-	-	-

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Ví dụ:

- Học sinh cả lớp đọc và tìm hiểu nội dung văn bản ngữ văn;
- Học sinh khuyết tật làm toán.

Học sinh C là học sinh có hội chứng Down kèm khuyết tật trí tuệ.

Thay thế	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG
	-	-	-
<i>Cụ thể</i>	<i>Cả lớp: Mục tiêu về đọc hiểu; Học sinh C: Mục tiêu về tính toán</i>	<i>Cả lớp: Bài đọc môn Ngữ Văn Học sinh C: Phiếu bài tập môn toán</i>	<i>Cả lớp: Đọc thâm, tìm hiểu bài dựa trên câu hỏi; Học sinh C: Nói, điền kết quả với phép tính</i>

Lưu ý:

Chỉ sử dụng phương án điều chỉnh này khi biết chắc chắn rằng học sinh khuyết tật không thể tham gia hoặc có khả năng để theo học một nội dung kiến thức nhất định.

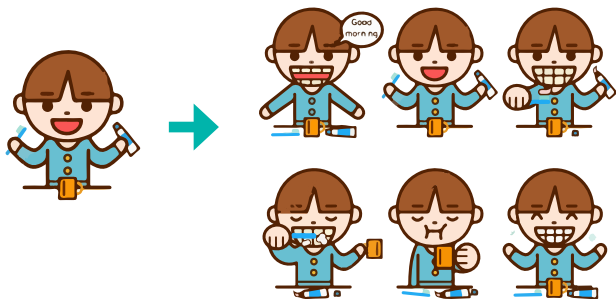
PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phân tích nhiệm vụ

Khái niệm

Nhiệm vụ là một tình huống mà cá nhân cần giải quyết để đạt được mục đích nào đó.

Phân tích nhiệm vụ là việc phân tách một nhiệm vụ ra thành các bước nhỏ liên tục nhau (chuỗi).



Cách thức phân tích nhiệm vụ

Để có thể hướng dẫn học sinh khuyết tật thực hiện một nhiệm vụ nào đó, giáo viên cần tiến hành việc phân tích nhiệm vụ đó theo năm bước sau:



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Minh họa

Bước 1: Xác định nhiệm vụ

Ví dụ:

Nhiệm vụ: trả lời câu hỏi sau khi đọc bài đọc

Bước 2: Động não



Liệt kê tất cả các suy nghĩ của mình ra giấy cho việc giải quyết nhiệm vụ đó

Ví dụ:

- ◆ Đọc câu hỏi
- ◆ Trả lời câu hỏi
- ◆ Nhắc lại bằng lời
- ◆ Bút để gạch chân
- ◆ Tìm từ khoá
- ◆ Dò tìm thông tin
- ◆ Xác nhận thông tin

Bước 3: Chọn lọc

Liệt kê các kỹ năng, các bước cần thiết và lược bỏ các kỹ năng, các bước không cần thiết



- ◆ Đọc câu hỏi
- ◆ Trả lời câu hỏi
- ◆ Nhắc lại bằng lời
- ◆ Bút để gạch chân
- ◆ Tìm từ khoá
- ◆ Dò tìm thông tin trong bài đọc
- ◆ Xác nhận thông tin
- ◆ Tìm đoạn có thông tin

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Bước 4: Sắp xếp thứ tự



Liệt kê các kỹ năng, các bước cần thiết và lược bỏ các kỹ năng, các bước không cần thiết

- ◆ Đọc câu hỏi
- ◆ Gạch chân vào ý chính/ từ khóa
- ◆ Dò tìm thông tin trong bài đọc
- ◆ Xác nhận thông tin
- ◆ Trả lời câu hỏi (Đưa/ chỉ vào câu trả lời)

Bước 5: Hoàn thiện



Các bước hướng dẫn học sinh khuyết tật thực hiện nhiệm vụ

Giải thích rõ nhiệm vụ cho học sinh

Hướng dẫn từng bước/từng phần của nhiệm vụ

Liên kết giữa các bước thực hiện nhiệm vụ

Kiểm tra lại kết quả thực hiện và điều chỉnh bổ sung

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là phương pháp, lưu trữ, sắp xếp thông tin và xác định thông tin theo thứ tự ưu tiên bằng cách sử dụng Từ khóa, Hình ảnh chủ đạo. Mỗi từ khóa hoặc hình ảnh chủ đạo trong sơ đồ tư duy sẽ kích hoạt những ký ức cụ thể và làm nảy sinh những suy nghĩ, ý tưởng mới.



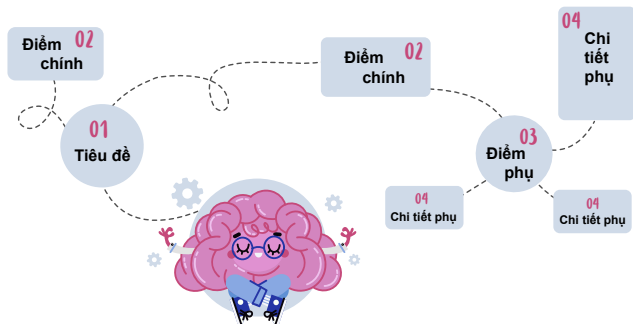
Cấu tạo của **sơ đồ tư duy** gồm có:

- Chủ đề chính
- Nhánh con
- Từ khóa
- Hình ảnh gợi nhớ
- Liên kết
- Màu sắc, kích cỡ



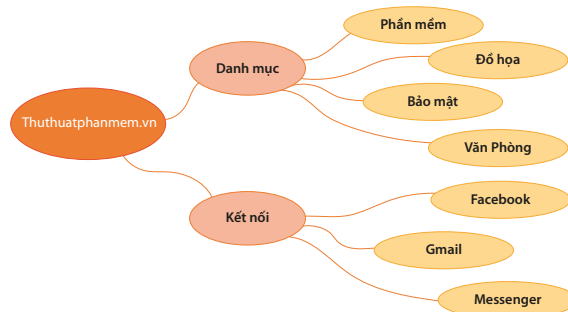
PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Các giáo viên có thể tạo một sơ đồ tư duy ở dạng đơn giản theo nguyên tắc phát triển ý: từ một chủ đề tạo ra nhiều nhánh lớn, từ mỗi nhánh lớn lại tỏa ra nhiều nhánh nhỏ và cứ thế mở rộng ra.



Lưu ý khi sử dụng sơ đồ tư duy:

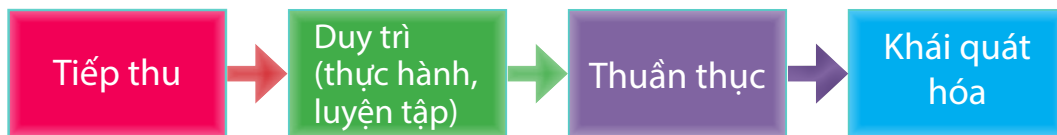
- Giáo viên cũng không cần phải sử dụng quá nhiều màu sắc trên sơ đồ tư duy.
- Vẽ nhiều nhánh cong hơn là đường thẳng để tránh sự buồn tẻ, tạo sự mềm mại, cuốn hút.
- Sử dụng từ khóa để gợi nhớ kiến thức.
- Phương pháp này đặc biệt phù hợp với học sinh khuyết tật trí tuệ, rối loạn phổ tự kỉ và khuyết tật nghe.



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Mở rộng cơ hội thực hành tương tự

Con đường hình thành một khái niệm kiến thức hoặc kỹ năng nào đó đều trải qua bốn giai đoạn sau:



Trong đó, điểm khác biệt cơ bản giữa học sinh không khuyết tật và học sinh khuyết tật trong việc chiếm lĩnh một khái niệm kiến thức nào đó chính là học sinh khuyết tật cần được thực hành nhiều hơn, đa dạng hơn, phong phú hơn và trong thời gian dài hơn.



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Mở rộng cơ hội thực hành nên được triển khai thông qua hai cách thức:

Cách thứ 1.

Xây dựng thêm bài tập có dạng bài và độ khó tương đương nhau

Ví dụ:

Bài gốc:

Mẹ có 3 cái kẹo. Mẹ cho bé 1 cái kẹo. Hỏi mẹ còn mấy cái kẹo?

Bài phát triển:

Mẹ có 4 cái kẹo. Mẹ cho bé 2 cái kẹo. Hỏi mẹ còn mấy cái kẹo?

Cách thứ 2.

Đa dạng hóa hình thức thực hành



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Phân tách kiến thức cốt lõi

Phân tách kiến thức cốt lõi là kỹ thuật bóc tách nội dung cơ bản, cốt lõi của bài đọc thông qua việc giản lược, điều chỉnh nội dung bài học; bổ sung hình ảnh minh họa cho bài học (nếu cần thiết). Nhờ đó, học sinh khuyết tật có thể hiểu nội dung và ý nghĩa của bài học dễ dàng hơn.

Tìm ra và giữ lại những nội dung chính, cốt lõi của văn bản đọc. Loại bỏ những chi tiết phụ, khó hiểu hoặc dài dòng không phù hợp với khả năng đọc của học sinh khuyết tật trong bài học.



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Bước 1

Đọc toàn bộ bài học



Cách thực hiện

Bước 2

Gạch ra những chi tiết chính của bài học

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng - có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu.

Bước 3

Lược bỏ những chi tiết phụ

Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”.

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Bước 4

Rút gọn những câu văn quá dài

Câu "**Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm**" thành câu "**Hai vợ chồng làm không đủ nuôi con**".

Bước 5

Thay thế những từ khó hiểu bằng những từ dễ hiểu, thông dụng

Câu "**cơm ăn mấy**" thành "**cơm ăn bao nhiêu**"

Bước 6

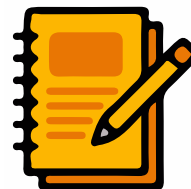
Tách nội dung trong bài học ra thành từng phần (từng câu) nhỏ



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

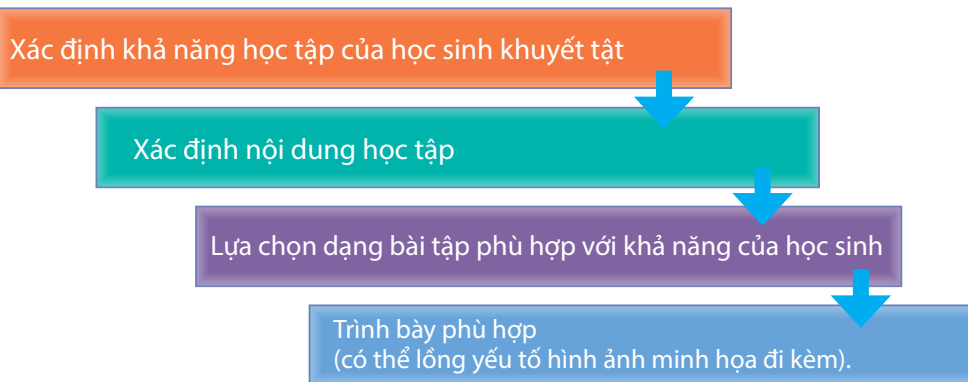
Xây dựng và sử dụng phiếu luyện tập cho học sinh khuyết tật

Phiếu luyện tập là một trong những thành tố quan trọng trong quá trình tổ chức hoạt động luyện tập cho học sinh. Việc xây dựng và sử dụng phiếu bài tập phù hợp sẽ giúp cho hoạt động hỗ trợ học sinh rối loạn học tập đạt hiệu quả cao hơn.



Quy trình xây dựng phiếu

Có bốn bước để xây dựng một phiếu bài tập hiệu quả:



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Minh họa

Bước 1

Xác định khả năng học tập của học sinh khuyết tật

Ví dụ:

Học sinh có thể thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia cơ bản

Bước 3

Lựa chọn dạng bài tập phù hợp với khả năng của học sinh

Nhóm bài tập cấp độ đơn giản	Nhóm bài tập cấp độ phức tạp
<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ tay • Gạch chân • Nối • Khoanh tròn đáp án • Lựa chọn Đúng/ Sai • Trắc nghiệm ít lựa chọn • Nối từ với hình ảnh 	<ul style="list-style-type: none"> • Điều khuyết • Phân nhóm • Trắc nghiệm nhiều lựa chọn • Tự luận ngắn • Tự luận dài • ...

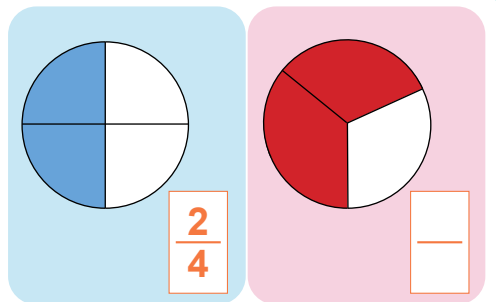
Bước 2

Xác định nội dung học tập

Nội dung "Phân số"

Bước 4

Trình bày phù hợp (có thể lồng yếu tố hình ảnh minh họa đi kèm)



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả trong lớp hòa nhập

Khái niệm

Tổ chức hoạt động nhóm là hình thức dạy học tích cực, trong đó giáo viên tổ chức để nhóm học sinh cùng học tập và hợp tác với nhau trong việc tiếp cận, tiếp nhận và giải quyết vấn đề học tập trung.



Lợi ích

Kết nối các học sinh với nhau

Phát triển kỹ năng giao tiếp, xã hội

Rèn luyện tinh thần tự lực và đoàn kết

Tăng cường tính tự tin của học sinh

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Hình thức tổ chức

Theo cặp (nhóm đôi)



Nhóm lớn (khoảng 8 học sinh)



Nhóm nhỏ (khoảng 3 - 4 học sinh)



Theo tổ học tập



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Vòng tròn (khoảng 6 học sinh)



Theo dãy bàn



Khó khăn của học sinh khuyết tật khi tham gia nhóm.

Do có những khó khăn cụ thể trong học tập so với các bạn trong lớp học, nhiều học sinh khuyết tật gặp khó khăn trong việc tham gia các hoạt động nhóm. Vì vậy, những học sinh này thường ngại hoặc tránh tham gia hoạt động nhóm; hoặc có tham gia nhưng không hiệu quả.



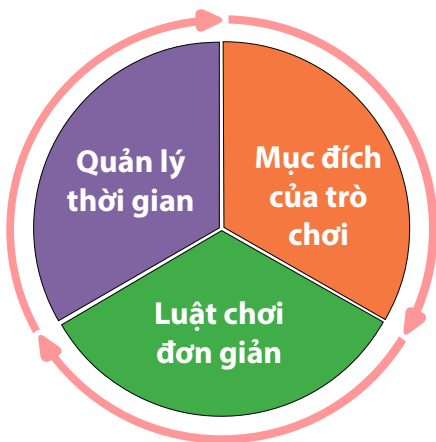
➤ Để giúp học sinh khuyết tật có thể tham gia hoạt động nhóm hiệu quả, giáo viên cần điều chỉnh và giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh đó.



PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Lưu ý khi tổ chức trò chơi

- Để giúp học sinh khuyết tật có thể tham gia hoạt động nhóm hiệu quả, giáo viên cần điều chỉnh và giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh đó.



Tổ chức trò chơi học tập trong lớp hòa nhập có học sinh khuyết tật:

- Giáo viên cần xem xét khả năng tham gia của học sinh khuyết tật trong mỗi trò chơi học tập, từ đó xác định trước vai trò mà học sinh khuyết tật có thể đảm nhiệm trong trò chơi đó. Giáo viên cần cố gắng đảm bảo rằng, học sinh khuyết tật sẽ có thể thực hiện một phần hoặc nhiều phần trong trò chơi được tổ chức; hoặc giữ một vai trò có ý nghĩa trong trò chơi học tập.



Khi biên soạn tập thể lật này, chúng tôi có sử dụng một số nguồn tài liệu tham khảo sau:

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Kim Hoa, Trần Thị Văng, Lê Thị Tâm, Phạm Thị Trang (2022), Hòa nhập khuyết tật và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, Nhà xuất bản Hồng Đức, ISBN:978-604-361-265-6.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở bậc tiểu học - Dự án phát triển giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo dục hòa nhập cấp tiểu học - Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, Lê Văn Tạc (2006), Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Giáo dục Hà Nội.
5. Quốc Hội Việt Nam, Luật Người Khuyết tật, luật số: 51/2010/QH12, 2010.
6. Nguyễn Thị Hoàng Yến (chủ biên) và Đỗ Thị Thảo (2010), Đại cương về giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ, NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Hoàng Yến, Trần Thị Minh Thành (2007), Một số công cụ chẩn đoán đánh giá và ứng dụng vào giáo dục đặc biệt cho trẻ chậm phát triển trí tuệ, Tạp chí Tâm lý học, Số 6, tháng 6/2007.

Tiếng Anh

1. Black, D. W., & Grant, J. E. (2014). DSM-5® guidebook: the essential companion to the diagnostic and statistical manual of mental disorders. American Psychiatric Pub.
2. Gargiulo, R. M., & Metcalf, D. (2022). Teaching in today's inclusive classrooms: A universal design for learning approach. Cengage Learning.

BỘ THẺ LẶT DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hòa nhập (RCI)

Mã ISBN: 978-604-332-702-1

Chịu trách nhiệm xuất bản
GD-TBT. BÙI THỊ LÂM NGỌC

Biên tập: Tạ Thị Lộc

Sửa bản in: Tạ Thị Lộc

Thực hiện liên doanh: Công ty TNHH In ấn và Thương mại Khánh Dung

In 300 bản, khổ 14.5 x 20.5cm. In tại công ty TNHH In ấn và Thương mại Khánh Dung
- Số nhà 19 ngõ 46 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Số ĐKXB: 4906 - 2021/CXBIPH/7-648/ĐoN, Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận
ngày 30/11/2021.

In xong và nộp lưu chiểu quý 4/2021.

Nhà xuất bản Đồng Nai



Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Hòa nhập (RCI)
Phòng 307 & 308, Nhà E1
Khu Ngoại giao đoàn Trung Tự
Số 6, Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Điện thoại: +84 024 3225 2851
website: <https://rci-nlr.org>

